

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh sách học sinh, sinh viên trúng tuyển vào
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn năm học 2018 - 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 205/LĐTBXH-TCDN ngày 18/01/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn tại Tờ trình số 765/TTr-CDKTCNQN ngày 22/11/2018 và của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 268/TTr-SLĐTBXH-GDNN ngày 05/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách **1.119** học sinh, sinh viên trúng tuyển vào Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn năm học 2018 - 2019. Cụ thể như sau:

- | | |
|---------------------|----------------|
| - Cao đẳng 01 năm: | 46 sinh viên. |
| - Cao đẳng 03 năm: | 577 sinh viên. |
| - Trung cấp 02 năm: | 496 học sinh. |

(Có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2. Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện. Học sinh, sinh viên có tên tại Điều 1 được hưởng các chế độ, chính sách và quyền lợi theo đúng quy định hiện hành của nhà nước kể từ ngày nhập học.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các học sinh, sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.



Nguyễn Tuấn Thanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG
NHẬP HỌC VÀO TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
NĂM 2018 - KHÓA 12 - NĂM - NIÊN KHÓA 2018 - 2019**

(Kèm theo Quyết định 844/QĐ-UBND ngày 14/12/2018)

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
					Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	C12-0001	Văn Thái Học	22/03/1998	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
2	C12-0002	Nguyễn Tấn Lực	19/08/1997	Nam	Tây An	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
3	C12-0003	Võ Văn Phong	16/02/2001	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	CGKL
4	C12-0004	Nguyễn Phương Ngọc Sơn	26/05/1997	Nam	Tây Vinh	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
5	C12-0005	Huỳnh Quốc Thịnh	24/12/1998	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
6	C12-0006	Huỳnh Văn Hà	25/06/2001	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
7	C12-0007	Trần Quang Huy	01/12/2000	Nam	Bình Hòa	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK
8	C12-0008	Đào Ngọc Thịnh	01/01/1998	Nam	Bình Tường	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK
9	C12-0009	Nguyễn Cao Bằng	22/06/1997	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
10	C12-0010	Trần Vũ Bảo	21/11/1997	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
11	C12-0011	Phan Phong Hào	10/05/1998	Nam	Nhơn Thọ	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
12	C12-0012	Nguyễn Duy Linh	02/09/1997	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
13	C12-0013	Trần Ngọc Nam	22/08/2000	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô A
14	C12-0014	Võ Đăng Quý	02/05/1998	Nam	Cát Hiệp	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
15	C12-0015	Huỳnh Thanh Vũ	01/01/2001	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
16	C12-0016	Lê Tuyết Nhựt	17/04/1998	Nam	P. An Phú	An Khê	Gia Lai	CNTT
17	C12-0017	Phan Thanh Phát	02/7/1998	Nam	Xuân An	An Khê	Gia Lai	CNTT
18	C12-0018	Nguyễn Duy Bảo Toàn	20/11/1997	Nam	P. Xuân Đài	Sông Cầu	Phú Yên	CNTT
19	C12-0019	Lê Nguyễn Quốc Huy	09/06/2000	Nam	P. Ngô Mỹ	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
20	C12-0020	Nguyễn Hoàng Đại Lâm	19/08/2000	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
21	C12-0021	Trần Võ Nguyên	09/10/2001	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
22	C12-0022	Nguyễn Phước Thắng	08/08/2001	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
23	C12-0023	Mai Xuân Quyền	17/12/1991	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
24	C12-0024	Phoudthakone Keoboubpha	26/01/2001	Nam	Kea	Pakse	Champasak	CN ô tô B
25	C12-0025	Yensabay Keoudone	21/01/1995	Nam	SanuemNok	Lao Ngam	Salavan	CN ô tô B
26	C12-0026	Thao Phenphan	15/07/1998	Nam	Nonker	VaPy	Salavan	CN ô tô B
27	C12-0027	Bouangeun Sivongsa	05/03/1998	Nam			Attapu	CN ô tô B
28	C12-0028	Saysongkham Vongtaseng	09/01/1997	Nam	NongSoung	Paksong	Champasak	CN ô tô B
29	C12-0029	Chokkeo Xaiyavong	02/01/1997	Nam	Lăk 3	Samakkhixay	Attapu	CN ô tô B
30	C12-0030	Somphone Chansamone	21/11/1995	Nam	Đồng phao	Xaybuly	Savannakhet	Điện CN B
31	C12-0031	Youanthong Davandith	05/06/1998	Nam	Huaylanong	Salavan	Salavan	Điện CN B
32	C12-0032	Domsamen Denchingkuang	05/09/1984	Nam	HouSedon	Thateng	Sekong	Điện CN B
33	C12-0033	Seualong Duangmala	28/06/1998	Nam	Nonmixai	Lamam	Sekong	Điện CN B
34	C12-0034	Sathip Keoinsone	20/07/1999	Nam	NongBoua	Champask	Champasak	Điện CN B
35	C12-0035	Xienghay Keopaseuth	04/06/1996	Nam	Luk 40	Paksong	Champasak	Điện CN B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
36	C12-0036	Chanhsana	Nounlasy	18/08/1997	Nam	Đon tan	Khong	Champasak	Điện CN B
37	C12-0037	Soulisai	Phetkongmang	06/03/1999	Nữ	Nonnongwah	Lamam	Sekong	Điện CN B
38	C12-0038	Khongxai	Phongsavath	20/04/1994	Nam	NongKae	Lao Ngam	Salavan	Điện CN B
39	C12-0039	Souananh	Pongmany	01/12/1997	Nữ	NakhoiSao	Salavan	Salavan	Điện CN B
40	C12-0040	Somdet	Salasing	02/03/1994	Nam	Pasing	Ta-oy	Salavan	Điện CN B
41	C12-0041	Vanxay	Sylaphet	19/12/1996	Nam	Samakkhy	Samakkhixay	Attapu	Điện CN B
42	C12-0042	Pao	Sysavath	09/05/1996	Nam	MouanThae	Lao Ngam	Saravanh	Điện CN B
43	C12-0043	Sonexai	Vilaisak	10/02/1996	Nam	Kokphoungtai	Thateng	Sekong	Điện CN B
44	C12-0044	Deth	Xaisavath	10/08/1998	Nam	NongBoua	VaPy	Salavan	Điện CN B
45	C12-0045	Keovisouk	Xaysomhat	02/10/1993	Nam	Đăk La	Xan Xay	Attapu	Điện CN B
46	C12-0046	Chonny	Yotdouangta	19/02/1998	Nam	Syvilay	SanaSomboun	Champasak	Điện CN B

Danh sách này có 46 sinh viên.

Trong đó:

Nam: 44

Nữ: 02

Sinh viên Lào: 23

Nghề Cắt gọt kim loại:

5

Nghề Chế tạo thiết bị cơ khí:

3

Nghề Công nghệ Ôtô:

13

Nghề Công nghệ thông tin:

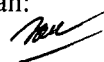
3

Nghề Điện công nghiệp:

21

Nghề Hàn:

1



DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG
NHẬP HỌC VÀO TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
NĂM 2018 - KHÓA 12 - HỆ 3 NĂM - NIÊN KHÓA 2018 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 14/12/2018)

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	C12-0047	Nguyễn Thành	An	06/05/2000	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
2	C12-0048	Trần Du	Ân	31/10/2000	Nam	TT. Phú Túc	Krông Pa	Gia Lai	CGKL
3	C12-0049	Đặng Xuân	Bảo	22/03/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
4	C12-0050	Đặng Đức	Cường	20/03/2000	Nam	Mỹ Hòa	Phù Mỹ	Bình Định	CGKL
5	C12-0051	Nguyễn Trường	Đặng	10/12/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
6	C12-0052	Đỗ Song	Hào	24/03/2000	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
7	C12-0053	Nguyễn Hồng	Hạt	01/08/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
8	C12-0054	Đặng Ngọc	Hiếu	26/03/1998	Nam	TT. Ngô Mây	Phù Cát	Bình Định	CGKL
9	C12-0055	Nguyễn Tấn	Hoàng	21/10/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	CGKL
10	C12-0056	Nguyễn Minh	Khang	22/05/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
11	C12-0057	Phan Minh	Khang	17/04/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
12	C12-0058	Nguyễn Công	Khanh	29/09/2000	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
13	C12-0059	Nguyễn Tuấn	Kiệt	25/08/2000	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	CGKL
14	C12-0060	Nguyễn Đại	Ngân	29/04/2000	Nam	Ân Tường Tây	Hoài Ân	Bình Định	CGKL
15	C12-0061	Nguyễn Thông	Nhấn	16/05/2000	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	CGKL
16	C12-0062	Trần Phan	Phú	22/02/1999	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
17	C12-0063	Lưu Vũ	Phước	20/08/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CGKL
18	C12-0064	Nguyễn Thanh	Phương	09/06/1997	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
19	C12-0065	Man Đức	Quốc	01/12/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
20	C12-0066	Trần Nhất	Sinh	02/01/2000	Nam	P. Nhơn Thành	An Nhơn	Bình Định	CGKL
21	C12-0067	Thung Văn	Son	08/10/2000	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	CGKL
22	C12-0068	Võ Trung	Thắng	01/07/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
23	C12-0069	Hồ Hữu	Thành	10/04/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
24	C12-0070	Phan Chí	Thao	12/04/1997	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
25	C12-0071	Nguyễn Minh	Thiên	20/06/2000	Nam	Hòa Quang Nam	Phù Hòa	Phù Yên	CGKL
26	C12-0072	Phan Quốc	Thiện	21/04/2000	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
27	C12-0073	Tô Thanh	Thuận	10/03/2000	Nữ	Cát Hiệp	Phù Cát	Bình Định	CGKL
28	C12-0074	Lê Hữu	Tiến	20/01/2000	Nam	Nhơn Phong	An Nhơn	Bình Định	CGKL
29	C12-0075	Nguyễn Hữu Thành	Tiến	10/01/2000	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
30	C12-0076	Lê Thanh	Toàn	25/05/2000	Nam	Nhơn Phong	An Nhơn	Bình Định	CGKL
31	C12-0077	Lê Minh	Trí	09/08/2000	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	CGKL
32	C12-0078	Nguyễn Cao	Trí	07/05/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
33	C12-0079	Phan Minh	Trí	10/03/1999	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	CGKL
34	C12-0080	Nguyễn Ngọc	Trọng	14/05/2000	Nam	P. Nhơn Thành	An Nhơn	Bình Định	CGKL
35	C12-0081	Nguyễn Quốc	Trung	10/09/1999	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	CGKL

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
36	C12-0082	Trần Văn	Trường	12/12/2000	Nam	Mỹ Thọ	Phù Mỹ	Bình Định	CGKL
37	C12-0083	Cao Thanh	Tuấn	17/04/2000	Nam	Ân Tín	Hoài Ân	Bình Định	CGKL
38	C12-0084	Lê Văn	Viết	02/04/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
39	C12-0085	Nguyễn Tấn	Vũ	16/08/2000	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
40	C12-0086	Phạm Tuấn	Anh	06/09/2000	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
41	C12-0087	Bùi Văn	Bảo	15/01/1999	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
42	C12-0088	Ngô Đình	Công	26/01/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
43	C12-0089	Võ Kim	Đạt	11/02/1998	Nam	Nhơn Thọ	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
44	C12-0090	Nguyễn Thành	Đồng	10/12/2000	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
45	C12-0091	Nguyễn Hồng	Đức	15/11/2000	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK A
46	C12-0092	Đỗ Trường	Giang	12/03/2000	Nam	Nhơn Tân	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
47	C12-0093	Lê Thanh	Hải	02/10/1999	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
48	C12-0094	Phạm Công	Hậu	22/12/1999	Nam	Hoài Sơn	Hoài Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
49	C12-0095	Trần Văn	Hiền	17/10/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
50	C12-0096	Phan Thanh	Hiệp	16/12/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
51	C12-0097	Phạm Ngọc	Hiếu	09/11/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
52	C12-0098	Nguyễn Thành	Hưng	18/11/2000	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
53	C12-0099	Trần Thanh	Huy	19/05/2000	Nam	Tây Giang	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK A
54	C12-0100	Võ Minh	Kiệt	04/08/2000	Nam	Ân Đức	Hoài Ân	Bình Định	CTTBCK A
55	C12-0101	Đình Ngọc	Luyến	22/02/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CTTBCK A
56	C12-0102	Huỳnh Tấn	Mạnh	01/01/1999	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
57	C12-0103	Nguyễn Khắc Phục	Miêu	27/07/2000	Nam	Ea Trang	M'Đrăk	Đắk Lắk	CTTBCK A
58	C12-0104	Đào Duy	Phong	12/07/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CTTBCK A
59	C12-0105	Cao Văn	Phường	24/04/1993	Nam	Ân Tín	Hoài Ân	Bình Định	CTTBCK A
60	C12-0106	Trương Ngọc	Quý	22/07/1999	Nam	Nhơn Khánh	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
61	C12-0107	Võ Văn	Sang	24/12/2000	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
62	C12-0108	Nguyễn Đình	Tấn	17/05/2000	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
63	C12-0109	Đỗ Châu	Thắng	27/05/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
64	C12-0110	Trần Minh	Thế	19/08/1999	Nam	Nhơn Khánh	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
65	C12-0111	Nguyễn Văn	Thoại	20/11/1999	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
66	C12-0112	Lê Hoài	Tiến	12/10/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
67	C12-0113	Nguyễn Minh	Tiến	16/06/2000	Nam	Nhơn Hậu	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
68	C12-0114	Võ Minh	Tiến	14/02/2000	Nam	Tây Giang	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK A
69	C12-0115	Trần Văn	Tinh	15/04/2000	Nam	Vĩnh Sơn	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CTTBCK A
70	C12-0116	Hồ Thanh	Tịnh	12/10/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
71	C12-0117	Trần Thanh	Trọng	07/04/1998	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK A
72	C12-0118	Võ Đức	Trường	01/04/1999	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
73	C12-0119	Nguyễn Minh	Tú	16/07/2000	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK A
74	C12-0120	Đình Công	Văn	08/08/2000	Nam	Mỹ Chánh Tây	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK A
75	C12-0121	Tô Thanh	Bình	17/12/2000	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK B
76	C12-0122	Nguyễn Đức	Cầm	28/01/1999	Nam	Cát Hiệp	Phù Cát	Bình Định	CTTBCK B
77	C12-0123	Đặng Đình	Cử	20/04/2000	Nam	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK B
78	C12-0124	Trương Quốc	Cường	04/05/2000	Nam	Mỹ Châu	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
79	C12-0125	Lương Công Thành	Đạt	20/10/2000	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CTTBCK B
80	C12-0126	Phan Bạo	Đô	12/01/2000	Nam	Phước Thắng	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK B
81	C12-0127	Huỳnh Trung	Đông	15/09/2000	Nam	Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
82	C12-0128	Nguyễn Ngọc	Hảo	23/09/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK B
83	C12-0129	Nguyễn Huỳnh Quang	Huy	02/10/2000	Nam	P. Nhơn Hưng	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
84	C12-0130	Trần Ngọc	Khang	14/05/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK B
85	C12-0131	Hồ Anh	Kiệt	12/02/2000	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK B
86	C12-0132	Lâm Hoài	Linh	26/03/2000	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	CTTBCK B
87	C12-0133	Huỳnh Tiến	Lợi	13/04/2000	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
88	C12-0134	Nguyễn Xuân	Long	07/02/2000	Nam	P. Nhơn Hưng	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
89	C12-0135	Trần Văn	Lực	18/12/2000	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
90	C12-0136	Trương Đức	Lượng	08/12/2000	Nam	Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
91	C12-0137	Đinh Văn	Nghiệp	20/06/2000	Nam	Mỹ Tài	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK B
92	C12-0138	Đặng Nguyễn Hoàng	Phúc	06/06/2000	Nam	Hoài Xuân	Hoài Nhơn	Bình Định	CTTBCK B
93	C12-0139	Trần Thanh	Sơn	10/11/2000	Nam	Vĩnh Hào	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CTTBCK B
94	C12-0140	Phùng Văn	Thành	16/02/2000	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	CTTBCK B
95	C12-0141	Bùi Đức	Tín	17/08/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK B
96	C12-0142	Lê Hồng	Trung	12/04/2000	Nam	Tây Giang	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK B
97	C12-0143	Phan Trần Quốc	Tự	10/06/2000	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	CTTBCK B
98	C12-0144	Nguyễn Đình	Tuấn	20/11/2000	Nam	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK B
99	C12-0145	Nguyễn Anh	Vũ	19/09/2000	Nam	Phước Thắng	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK B
100	C12-0146	Nguyễn Tứ	Vương	01/03/2000	Nam	Ân Đức	Hoài Ân	Bình Định	CTTBCK B
101	C12-0147	Lê Cẩm	Bình	01/08/1999	Nam	TT. Ngô Mây	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
102	C12-0149	Bùi Hải	Đặng	17/06/2000	Nam	P. Thống Nhất	Buôn Hồ	Đắk Lắk	CN ô tô A
103	C12-0148	Nguyễn Thành	Đạt	25/11/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
104	C12-0150	Nguyễn Hữu	Đức	06/03/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
105	C12-0151	Nguyễn Lê Thế	Hậu	19/12/2000	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
106	C12-0152	Trần Ngọc	Hậu	21/01/2000	Nam	TT. Phù Mỹ	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô A
107	C12-0153	Đoàn Khánh	Hoan	20/10/1994	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
108	C12-0154	Trần Đình	Hoàng	22/04/1999	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
109	C12-0155	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	28/05/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
110	C12-0156	Nguyễn Gia	Khiêm	07/03/2000	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	CN ô tô A
111	C12-0157	Phạm Công	Khoa	17/11/2000	Nam	Hoài Mỹ	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
112	C12-0158	Phạm Tân	Khoa	25/01/2000	Nam	TT. Phù Mỹ	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô A
113	C12-0159	Trần Hữu	Khoa	21/02/2000	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
114	C12-0160	Nguyễn Nam	Khôi	15/02/2000	Nam	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	CN ô tô A
115	C12-0161	Nguyễn Hồng	Kiệt	02/01/2000	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô A
116	C12-0162	Nguyễn Hoài	Lâm	15/04/1999	Nam	P. An Phú	An Khê	Gia Lai	CN ô tô A
117	C12-0163	Nguyễn Ngọc	Linh	11/09/2000	Nam	Nhơn Tân	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
118	C12-0164	Đào Văn	Lượng	19/12/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô A
119	C12-0165	Nguyễn Đình	Nam	02/07/2000	Nam	Cát Tân	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
120	C12-0166	Ngô Ngọc	Nguyên	20/10/2000	Nam	Kông Long Khong	K'Bang	Gia Lai	CN ô tô A
121	C12-0167	Nguyễn Thành	Nhân	20/08/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô A

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
122	C12-0168	Lê Văn	Nhất	11/09/1997	Nam	Mỹ Thành	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô A
123	C12-0169	Nguyễn Văn	Phong	09/05/1999	Nam	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	CN ô tô A
124	C12-0170	Huỳnh Trọng	Phú	09/08/2000	Nam	Bình Hòa	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô A
125	C12-0171	Trần Ngọc	Phúc	15/06/2000	Nam	Glar	Đăk Đoa	Gia Lai	CN ô tô A
126	C12-0172	Đỗ Hồng	Sang	01/11/1999	Nam	P. Quang Trung	TP. Kon Tum	Kon Tum	CN ô tô A
127	C12-0173	Lê Tấn	Tài	14/04/2000	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô A
128	C12-0174	Huỳnh Ngọc	Thanh	17/05/2000	Nam	TT. Đăk Đoa	Đăk Đoa	Gia Lai	CN ô tô A
129	C12-0175	Nguyễn Minh	Thi	28/07/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
130	C12-0176	Phạm Minh	Thìn	09/07/2000	Nam	Nhơn Tân	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
131	C12-0177	Đoàn Ngọc	Thông	17/11/2000	Nam	Song An	An Khê	Gia Lai	CN ô tô A
132	C12-0619	Huỳnh Văn	Thông	10/12/1999	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
133	C12-0178	Mai Đức	Tín	27/03/2000	Nam	Đăk Hring	Đăk Hà	Kon Tum	CN ô tô A
134	C12-0179	Nguyễn Đức	Tín	05/08/2000	Nam	P. Phù Đồng	Pleiku	Gia Lai	CN ô tô A
135	C12-0180	Nguyễn Anh	Toàn	13/10/2000	Nam	Đăk Hlor	K'Bang	Gia Lai	CN ô tô A
136	C12-0181	Huỳnh Anh	Văn	06/01/2000	Nam	Tân An	Đăk Pơ	Gia Lai	CN ô tô A
137	C12-0182	Đỗ Minh	Vũ	21/11/2000	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
138	C12-0183	Phan Ngọc	Vũ	03/12/1999	Nam	Tân Hội	Đăk Pơ	Gia Lai	CN ô tô A
139	C12-0184	Trần Minh Hoài	Bảo	22/08/2000	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
140	C12-0185	Phan Hoàng	Cơ	10/08/2000	Nam	P. Hoa Lư	Pleiku	Gia Lai	CN ô tô B
141	C12-0186	Nguyễn Công	Danh	18/04/2000	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
142	C12-0187	Đình Văn	Dũng	16/09/2000	Nam	Canh Liên	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô B
143	C12-0188	Cao Quốc	Dũng	25/08/2000	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
144	C12-0189	Phương Cao	Dũng	03/06/2000	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
145	C12-0190	Trần Quang	Đại	23/01/2000	Nam	Mỹ Thọ	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô B
146	C12-0191	Nguyễn Duy	Hiền	17/08/2000	Nam	Tây Phú	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
147	C12-0192	Trần Trọng	Hiếu	03/05/2000	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
148	C12-0193	Ngô Minh	Hòa	01/01/2000	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
149	C12-0194	Trần Vũ	Hoài	14/01/2000	Nam	TT. Kon Dong	Mang Yang	Gia Lai	CN ô tô B
150	C12-0195	Lương Nhật	Hoàn	16/06/2000	Nam	TT. Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô B
151	C12-0196	Nguyễn Văn	Hội	14/10/1999	Nam	TT. Ea H'leo	Ea H'leo	Đăk Lăk	CN ô tô B
152	C12-0197	Đỗ Văn	Huy	09/06/2000	Nam	Chư Răng	Ia Pa	Gia Lai	CN ô tô B
153	C12-0198	Huỳnh Trọng	Khải	14/11/2000	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
154	C12-0199	Đặng Hà	Khánh	15/06/2000	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
155	C12-0200	Nguyễn Hùng	Kiệt	01/07/2000	Nam	Vĩnh Hảo	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô B
156	C12-0201	Nguyễn Hữu	Lợi	14/02/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
157	C12-0202	Nguyễn Trung	Nguyên	23/05/2000	Nam	Ấn Nghĩa	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô B
158	C12-0203	Trần Đình	Nhân	04/06/2000	Nam	Nhơn Hậu	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
159	C12-0204	Huỳnh Tấn	Phùng	27/06/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
160	C12-0205	Võ Văn	Phương	11/12/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô B
161	C12-0206	Nguyễn Đức	Phường	29/06/2000	Nam	Hoài Phú	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
162	C12-0207	Phạm Sinh	Quân	10/01/2000	Nam	Tú An	An Khê	Gia Lai	CN ô tô B
163	C12-0208	Lê Trọng	Quý	28/02/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
164	C12-0209	Trần Thanh	Tâm	10/02/2000	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
165	C12-0210	Nông Thành	Tân	18/02/2000	Nam	Cát Thành	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô B
166	C12-0211	Lê Minh	Thành	01/01/2000	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
167	C12-0212	Nguyễn Ngọc	Thi	03/03/1999	Nam	Tây Xuân	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
168	C12-0213	Trần Minh	Thuận	11/11/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
169	C12-0214	Nguyễn Công	Thương	07/12/1999	Nam	Iasol	Phú Thiện	Gia Lai	CN ô tô B
170	C12-0215	Châu Nhật	Trường	22/08/2000	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
171	C12-0216	Đoàn Phúc	Trường	05/11/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
172	C12-0217	Lê Hoàng	Tú	01/01/2000	Nam	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô B
173	C12-0218	Nguyễn Võ Quốc	Tuấn	02/02/2000	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
174	C12-0219	Phạm Minh	Tuấn	08/10/2000	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô B
175	C12-0220	Nguyễn Nhật	Tường	22/05/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
176	C12-0221	Trần Đình	Văn	11/06/1999	Nam	Nhơn Hải	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
177	C12-0222	Phan Công	Việt	10/03/2000	Nam	Tam Quan Bắc	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
178	C12-0223	Huỳnh Thanh	Bình	19/11/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
179	C12-0224	Nguyễn Thành	Chương	07/04/2000	Nam	P. Bình Định	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
180	C12-0225	Phan Thành	Chương	22/07/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
181	C12-0226	Lê Trường	Hoan	20/03/2000	Nam	Mỹ Đức	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô C
182	C12-0227	Đỗ Thành Quang	Huy	17/06/2000	Nam	Tân An	Đắk Pơ	Gia Lai	CN ô tô C
183	C12-0228	Trần Thanh	Huy	04/11/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
184	C12-0229	Phạm Minh	Kha	16/08/2000	Nam	TT. Ngõ Mây	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
185	C12-0230	Phan Thanh	Khan	09/01/2000	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô C
186	C12-0231	Nguyễn Phan Duy	Kính	10/06/1996	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
187	C12-0232	Hồ Ngọc	Lâm	16/11/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
188	C12-0233	Nguyễn Văn	Liêm	18/08/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
189	C12-0234	Trần Chí	Nguyên	22/01/1999	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
190	C12-0235	Bùi Ngọc	Nhật	24/09/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
191	C12-0236	Nguyễn Hoàng	Nhật	14/11/1999	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô C
192	C12-0237	Nguyễn Nhật	Phát	05/04/1998	Nam	P. Trường Chinh	TP. Kôm Tum	Kon Tum	CN ô tô C
193	C12-0238	Trịnh Hồng	Phúc	09/02/2000	Nam	TT. Tăng Bạt Hổ	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô C
194	C12-0239	Nguyễn Văn	Quân	12/10/2000	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
195	C12-0240	Ngô Đình	Sang	02/10/2000	Nam	P. An Bình	An Khê	Gia Lai	CN ô tô C
196	C12-0241	Võ Ngọc	Sanh	13/10/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
197	C12-0242	Hồ Văn	Sinh	07/10/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
198	C12-0243	Nguyễn Đức	Tài	20/04/1997	Nam	P. An Phú	An Khê	Gia Lai	CN ô tô C
199	C12-0244	Nguyễn Ngọc	Tâm	19/05/2000	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
200	C12-0245	Nguyễn Ngọc	Tấn	25/01/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
201	C12-0246	Lương Quốc	Thắng	20/06/1999	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô C
202	C12-0247	Trần Văn	Thắng	28/02/2000	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
203	C12-0248	Võ Văn	Thi	02/06/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
204	C12-0249	Phạm Minh	Thiện	09/04/2000	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
205	C12-0250	Phạm Quốc	Thịnh	19/08/1999	Nam	Mỹ Đức	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô C
206	C12-0251	Nguyễn Văn	Thương	27/05/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
207	C12-0252	Phạm Duy	Thương	12/06/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
208	C12-0253	Huỳnh Văn	Tín	09/02/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
209	C12-0254	Nguyễn Thanh	Toàn	26/01/2000	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
210	C12-0255	Phạm Hồ Quý	Toàn	11/05/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
211	C12-0256	Nguyễn Công	Trứ	22/07/1999	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
212	C12-0257	Lê Đình	Trung	16/04/2000	Nam	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô C
213	C12-0620	Lâm Quang	Trường	02/09/2000	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
214	C12-0258	Đinh Nhơ	Tuyn	04/07/2000	Nam	Vĩnh Sơn	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô C
215	C12-0259	Hà Hồ	Chính	06/11/2000	Nam	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô D
216	C12-0260	Nguyễn Long	Chính	06/11/2000	Nam	Nhơn Hội	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
217	C12-0261	Lê Công	Chức	16/11/2000	Nam	Nhơn Phong	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
218	C12-0262	Đặng Tấn	Công	10/12/2000	Nam	Mỹ Đức	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô D
219	C12-0266	Phạm Trường	Diệp	07/04/2000	Nam	P. Bình Định	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
220	C12-0263	Nguyễn Hoàng	Diệu	16/12/2000	Nam	Ea Kuêh	Cư M'gar	Đắk Lắk	CN ô tô D
221	C12-0264	Nguyễn Văn	Dũng	08/07/2000	Nam	Xuân Cảnh	Sông Cầu	Phú Yên	CN ô tô D
222	C12-0265	Nguyễn Trương Thanh	Duy	02/01/2000	Nam	Cát Chánh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô D
223	C12-0267	Đào Văn	Đô	20/08/2000	Nam	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	CN ô tô D
224	C12-0268	Phan Trung	Hậu	10/02/1999	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô D
225	C12-0269	Huỳnh Cao	Hiếu	10/02/2000	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
226	C12-0270	Nguyễn Đình	Hung	20/04/2000	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô D
227	C12-0271	Võ Quốc	Hung	26/08/2000	Nam	Ân Hảo Tây	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô D
228	C12-0272	Phạm Huy	Hữu	21/06/2000	Nam	TT. Đắk Pơ	Đắk Pơ	Gia Lai	CN ô tô D
229	C12-0273	Nguyễn Lê	Khánh	25/08/2000	Nam	Nhơn Thọ	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
230	C12-0621	Bùi Quang	Lân	20/01/2000	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô D
231	C12-0274	Trần Đình	Lợi	22/10/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô D
232	C12-0275	Nguyễn Vương	Long	17/11/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô D
233	C12-0276	Phạm Văn	Luân	16/11/2000	Nam	Mỹ Thành	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô D
234	C12-0277	Lê Các	Lượng	14/01/2000	Nam	Tây Bình	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô D
235	C12-0278	Đỗ Thành	Mẫn	16/09/1999	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
236	C12-0279	Ung Công	Nhuận	09/08/2000	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
237	C12-0280	Nguyễn Trần	Phi	12/06/1999	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô D
238	C12-0281	Nguyễn Thanh	Phong	01/11/2000	Nam	Bàu Cạn	Chư Prông	Gia Lai	CN ô tô D
239	C12-0282	Huỳnh Nhất	Sinh	20/10/2000	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
240	C12-0283	Nguyễn Thanh	Sinh	10/01/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô D
241	C12-0284	Nguyễn Phước Minh	Tâm	21/03/2000	Nam	Nhơn An	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
242	C12-0285	Nguyễn Trọng	Tấn	06/03/2000	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
243	C12-0286	Huỳnh Thanh	Tây	10/04/1997	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
244	C12-0287	Trương Ngọc Quốc	Thăng	30/03/2000	Nam	Ia Hlóp	Chư Sê	Gia Lai	CN ô tô D
245	C12-0288	Đào Xuân	Thịnh	05/05/2000	Nam	Ân Đức	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô D
246	C12-0289	Nguyễn Văn	Tiến	10/06/2000	Nam	Ia Glai	Chư Sê	Gia Lai	CN ô tô D
247	C12-0290	Đỗ Trần	Trung	09/05/1999	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô D
248	C12-0291	Nguyễn Văn	Trung	18/05/2000	Nam	Tú An	An Khê	Gia Lai	CN ô tô D
249	C12-0292	Huỳnh Văn	Tuấn	20/04/1999	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
250	C12-0293	Nguyễn Anh	Tuấn	21/05/1994	Nam	P. An Phú	An Khê	Gia Lai	CN ô tô D

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
251	C12-0294	Đỗ Quốc	Văn	20/02/2000	Nam	Nhon Hạnh	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô D
252	C12-0295	Huỳnh Xuân	Vũ	16/11/2000	Nam	Ia Glai	Chư Sê	Gia Lai	CN ô tô D
253	C12-0296	Đinh Văn	Bảo	31/07/2000	Nam	Hoài Xuân	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
254	C12-0297	Võ Chí	Bảo	28/02/1999	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô E
255	C12-0298	Trần Nguyễn Thái	Bình	27/06/2000	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
256	C12-0299	Nguyễn Văn	Cảnh	10/08/2000	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô E
257	C12-0300	Huỳnh Dương	Đặng	02/03/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô E
258	C12-0301	Phạm Thái	Hậu	09/05/1999	Nam	Hoài Châu	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
259	C12-0302	Nguyễn Ngọc	Hiển	04/05/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
260	C12-0303	Nguyễn Văn	Hiển	27/10/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
261	C12-0304	Lê Văn	Hiếu	21/03/2000	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
262	C12-0305	Ngô Văn	Hoàng	25/08/1999	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô E
263	C12-0306	Nguyễn Thái	Học	20/09/1997	Nam	Bình Hòa	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
264	C12-0307	Nguyễn Quang	Huy	02/11/2000	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	CN ô tô E
265	C12-0308	Đinh Văn	Khánh	09/08/2000	Nam	An Dũng	An Lão	Bình Định	CN ô tô E
266	C12-0309	Trần Tuấn	Khiêm	24/02/2000	Nam	Ân Hảo Đông	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô E
267	C12-0310	Đỗ Quốc	Kiệt	16/06/2000	Nam	Phước Thắng	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô E
268	C12-0311	Lê Văn	Kiệt	09/06/2000	Nam	Nhon Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
269	C12-0312	Phạm Tấn	Lộc	09/06/2000	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô E
270	C12-0313	Lê Hoàng	Long	08/03/1999	Nam	Hoài Tân	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
271	C12-0314	Nguyễn Ngọc	Lưu	21/05/1999	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô E
272	C12-0315	Nguyễn Toàn Minh	Luyện	27/06/1999	Nam	Ân Hảo Đông	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô E
273	C12-0316	Nguyễn Thành	Nam	06/03/2000	Nam	TT. Chư Sê	Chư Sê	Gia Lai	CN ô tô E
274	C12-0317	Phạm Hữu	Nghĩa	16/09/2000	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô E
275	C12-0318	Đỗ Liễu Kỳ	Nguyên	10/03/2000	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
276	C12-0319	Nguyễn Chí	Nguyên	29/06/2000	Nam	Tây Giang	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
277	C12-0320	Lê Hồ Hoài	Nhân	23/11/1999	Nam	Ân Phong	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô E
278	C12-0321	Nguyễn Hoàng	Nhuận	25/02/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô E
279	C12-0322	Nguyễn Nguyên	Phát	01/11/2000	Nam	Nhon Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
280	C12-0323	Lê Đình	Phú	17/10/1999	Nam	Ea Ral	Ea H'leo	Đắk Lắk	CN ô tô E
281	C12-0324	Lê Thanh	Phú	12/09/2000	Nam	P. Ia Kring	Pleiku	Gia Lai	CN ô tô E
282	C12-0325	Nguyễn Văn	Quang	12/10/1997	Nam	Kim Tân	Ia Pa	Gia Lai	CN ô tô E
283	C12-0326	Đoàn Văn	Sang	06/09/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô E
284	C12-0327	Trần Minh	Sơn	25/08/2000	Nam	Mỹ Châu	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô E
285	C12-0328	Huỳnh Long	Thiết	20/04/2000	Nam	TT. Kông Chro	Kông Chro	Gia Lai	CN ô tô E
286	C12-0329	Phan Ngọc	Thìn	02/11/2000	Nam	Bình Tân	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
287	C12-0330	Lê Võ Danh	Tiến	06/05/2000	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô E
288	C12-0331	Nguyễn Văn	Trọng	06/06/2000	Nam	Phước Mỹ	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô E
289	C12-0332	Nguyễn Võ Hoài	Tuấn	01/11/2000	Nam	TT. An Lão	An Lão	Bình Định	CN ô tô E
290	C12-0333	Tạ Đình	Tuy	20/04/1999	Nam	Tây An	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
291	C12-0334	Lê Công	Tuyền	05/10/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô E
292	C12-0335	Đoàn Anh	Dũng	14/07/2000	Nam	P. Yên Thế	Pleiku	Gia Lai	CNTT
293	C12-0336	Nguyễn Bảo	Duy	26/02/1999	Nam	Nhon Lộc	An Nhơn	Bình Định	CNTT

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
294	C12-0337	Ứng Văn Đạt		24/11/1999	Nam	Bình Hải	Bình Sơn	Quảng Ngãi	CNTT
295	C12-0338	Trần Nguyên Đức		26/10/2000	Nam	P. Ngô Máy	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
296	C12-0339	Nguyễn Văn Hậu		24/12/1999	Nam	Nhon Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CNTT
297	C12-0340	Huỳnh Minh Hoàng		29/10/1999	Nam	P. Bình Định	An Nhơn	Bình Định	CNTT
298	C12-0341	Nguyễn Đình Hoàng		13/05/2000	Nam	P. Ngô Máy	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
299	C12-0342	Trần Huy Hoàng		04/09/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CNTT
300	C12-0343	Võ Văn Hưng		10/10/2000	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
301	C12-0344	Đỗ Quang Huy		02/06/1999	Nam	An Tân	An Lão	Bình Định	CNTT
302	C12-0345	Huỳnh Ngân Huy		25/05/2000	Nam	P. Ngô Máy	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
303	C12-0346	Võ Quốc Huy		18/06/1997	Nam	P. Ngô Máy	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
304	C12-0347	Hồ Gia Lâm		03/02/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
305	C12-0348	Võ Đình Lập		20/07/1998	Nam	P. Nguyễn Văn Cừ	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
306	C12-0349	Nguyễn Đào Tấn Lợi		29/09/1998	Nam	P. Đống Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
307	C12-0350	Phạm Hoài Nam		15/03/1998	Nam	Nhon Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CNTT
308	C12-0351	Vũ Hoàng Nam		05/04/1996	Nam	TT. Phú Hòa	Chư Păh	Gia Lai	CNTT
309	C12-0352	Trần Trung Nhân		15/02/1999	Nam	Ấn Nghĩa	Hoài Ân	Bình Định	CNTT
310	C12-0353	Nguyễn Văn Quang		10/10/2000	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	CNTT
311	C12-0354	Hà Văn Quí		02/05/1996	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	CNTT
312	C12-0355	Lê Đức Hưng		18/02/2000	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
313	C12-0356	Nguyễn Văn Thông		19/07/1997	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CNTT
314	C12-0624	Nguyễn Khánh Toàn		04/04/2000	Nam	P. Nguyễn Văn Cừ	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
315	C12-0357	Phan Văn Toàn		08/03/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
316	C12-0358	Đặng Văn Tuấn		26/01/1994	Nam	Mỹ Châu	Phù Mỹ	Bình Định	CNTT
317	C12-0359	Dương Hùng Viên		10/08/1999	Nam	Ia Băng	Đăk Đoa	Gia Lai	CNTT
318	C12-0360	Trần Lưu Thái Việt		17/08/2000	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
319	C12-0361	Cai Thế Vinh		30/08/1999	Nam	TT. Cát Tiên	Cát Tiên	Lâm Đồng	CNTT
320	C12-0363	Lê Minh Võ		30/07/2000	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
321	C12-0362	Cao Trường Vũ		09/05/2000	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
322	C12-0364	Nguyễn Huy Bảo		02/11/1993	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Cơ điện tử
323	C12-0365	Lê Văn Bộ		20/11/1999	Nam	Ia Blang	Chư Sê	Gia Lai	Cơ điện tử
324	C12-0366	Đỗ Xuân Di		13/09/1999	Nam	Ấn Tín	Hoài Ân	Bình Định	Cơ điện tử
325	C12-0367	Lê Huỳnh Đức		20/03/1998	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	Cơ điện tử
326	C12-0368	Bùi Đức Hải		16/02/2000	Nam	Kông Pla	K'Bang	Gia Lai	Cơ điện tử
327	C12-0369	Mai Quốc Hoài		14/08/1999	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	Cơ điện tử
328	C12-0370	Cao Thanh Hoàng		01/12/1996	Nam	Phú Cản	Krông Pa	Gia Lai	Cơ điện tử
329	C12-0371	Đoàn Chấn Hưng		28/10/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Cơ điện tử
330	C12-0372	Phạm Quốc Huy		09/02/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	Cơ điện tử
331	C12-0373	Phan Huy		28/06/2000	Nam	P. Ngô Máy	Quy Nhơn	Bình Định	Cơ điện tử
332	C12-0374	Lê Thanh Linh		10/02/1998	Nam	Mỹ Thắng	Phù Mỹ	Bình Định	Cơ điện tử
333	C12-0375	Phạm Nhật Lý		10/08/2000	Nam	Mỹ Thành	Phù Mỹ	Bình Định	Cơ điện tử
334	C12-0376	Nguyễn Anh Minh		15/02/2000	Nam	P. Nguyễn Văn Cừ	Quy Nhơn	Bình Định	Cơ điện tử
335	C12-0377	Nguyễn Hoài Nhơn		27/07/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	Cơ điện tử
336	C12-0378	Phan Thành Sự		28/10/2000	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	Cơ điện tử

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
337	C12-0379	Sô Anh	Thắng	18/11/2000	Nam	Canh Liên	Vân Canh	Bình Định	Cơ điện tử
338	C12-0380	Trịnh Việt	Thành	15/06/2000	Nam	Đông	K'Bang	Gia Lai	Cơ điện tử
339	C12-0381	Xa Tấn	Thiện	08/12/2000	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	Cơ điện tử
340	C12-0382	Nguyễn Đoàn	Thuần	12/01/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	Cơ điện tử
341	C12-0383	Nguyễn Thanh	Tiền	22/08/2000	Nam	P. Đống Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Cơ điện tử
342	C12-0384	Nguyễn Thành	Vũ	04/07/2000	Nam	Xuân Cảnh	Sông Cầu	Phú Yên	Cơ điện tử
343	C12-0385	Trương Minh	Chính	11/11/2000	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
344	C12-0386	Nguyễn Hoàng	Chương	03/10/2000	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
345	C12-0387	Phạm	Công	01/10/2000	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
346	C12-0388	Lê Thành	Danh	08/08/2000	Nam	K'dang	Đăk Đoa	Gia Lai	Điện CN A
347	C12-0389	Võ Văn	Đại	25/12/2000	Nam	Mỹ Thọ	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN A
348	C12-0390	Hồ Minh	Đức	20/08/1999	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN A
349	C12-0391	Đặng Văn	Hân	22/04/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
350	C12-0392	Nguyễn Xuân	Hiền	30/06/2000	Nam	Nhơn Hậu	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
351	C12-0393	Trần Đức	Hiền	17/04/1997	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN A
352	C12-0394	Bùi Trần	Hiếu	06/11/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
353	C12-0622	Nguyễn Văn	Hung	12/10/2000	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
354	C12-0395	Lê Đức	Huy	02/06/1999	Nam	P. Nhơn Thành	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
355	C12-0396	Hồ Nguyễn Tứ	Ka	08/09/2000	Nam	Tây Phú	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN A
356	C12-0397	Nguyễn Văn	Khải	23/07/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
357	C12-0398	Ngô Đức	Ký	07/02/2000	Nam	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN A
358	C12-0399	Lê Quang	Long	11/11/2000	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
359	C12-0400	Kiều Tấn	Lực	28/10/1999	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
360	C12-0401	Võ Long	Nhật	03/06/2000	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
361	C12-0402	Lê Anh	Phú	13/11/1995	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
362	C12-0403	Nguyễn Khắc	Phú	15/01/2000	Nam	Cát Sơn	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
363	C12-0404	Bùi Việt	Phương	18/06/2000	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
364	C12-0405	Nguyễn Thanh	Tâm	28/12/1999	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
365	C12-0406	Nguyễn Duy	Tân	20/10/2000	Nam	P. An Phước	An Khê	Gia Lai	Điện CN A
366	C12-0407	Lâm Thái	Thịnh	12/04/2000	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
367	C12-0408	Ngô Gia	Thịnh	20/09/2000	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN A
368	C12-0409	Đỗ Thanh	Thức	05/06/2000	Nam	Mỹ Thành	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN A
369	C12-0410	Võ Công	Tính	27/06/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
370	C12-0411	Nguyễn Văn	Trọng	24/09/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
371	C12-0412	Ngô Quang	Trường	15/02/2000	Nam	Diễn Hạnh	Diễn Châu	Nghệ An	Điện CN A
372	C12-0413	Nguyễn Thanh	Tuấn	09/09/1999	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN A
373	C12-0414	Nguyễn Văn	Tuấn	03/10/2000	Nam	Mỹ Thọ	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN A
374	C12-0415	Nguyễn Duy	Tường	21/07/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
375	C12-0416	Lê Thanh	Vũ	20/08/2000	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
376	C12-0417	Nguyễn Văn	Công	10/02/2000	Nam	Nhơn Phúc	An Nhơn	Bình Định	Điện CN B
377	C12-0418	Võ Lê Thanh	Hào	08/06/2000	Nam	Cát Chánh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
378	C12-0419	Đặng Văn	Hiền	18/11/2000	Nam	Cát Trinh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
379	C12-0420	Huỳnh Ngọc	Hiếu	31/01/1997	Nam	Nhơn An	An Nhơn	Bình Định	Điện CN B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
380	C12-0421	Đinh Công	Hoan	10/10/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
381	C12-0422	Trần Văn	Hon	20/03/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	Điện CN B
382	C12-0423	Hồ Quang	Huy	03/08/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
383	C12-0424	Nguyễn Văn	Huy	01/11/2000	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
384	C12-0425	Đinh Sĩ	Kha	07/07/2000	Nam	Nhơn Phong	An Nhơn	Bình Định	Điện CN B
385	C12-0426	Nguyễn Hoàng	Kha	25/02/2000	Nam	An Tân	An Lão	Bình Định	Điện CN B
386	C12-0427	Trần Hồng	Khôi	18/03/2000	Nam	Nhơn Phúc	An Nhơn	Bình Định	Điện CN B
387	C12-0428	Lê Tuấn	Kiệt	07/01/2000	Nam	TT. Ngô Mỹ	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
388	C12-0429	Lê Hồ	Lực	06/04/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
389	C12-0430	Lê Bá	Nha	22/12/1997	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
390	C12-0431	Nguyễn Văn	Nhân	01/01/2000	Nam	Tây Giang	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
391	C12-0432	Đào Đông	Nhật	01/03/1999	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN B
392	C12-0433	Võ Tấn	Nhật	14/06/2000	Nam	Hoài Hào	Hoài Nhơn	Bình Định	Điện CN B
393	C12-0434	Ngô Hoàng	Phi	02/11/1996	Nam	Phước Thắng	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
394	C12-0435	Trần Thanh	Phùng	24/03/2000	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN B
395	C12-0436	Trần Ngọc	Quý	02/11/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
396	C12-0437	Tô Thanh	Quý	03/05/1999	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
397	C12-0438	Trần Văn	Tân	20/10/2000	Nam	Ia Kla	Đức Cơ	Gia Lai	Điện CN B
398	C12-0439	Huỳnh Xuân	Tấn	13/01/2000	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	Điện CN B
399	C12-0440	Lê Công	Thạch	02/08/2000	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
400	C12-0441	Trương Đức	Thắng	07/05/1998	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
401	C12-0442	Lê Văn	Thanh	16/05/2000	Nam	Phước Thắng	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
402	C12-0443	Nguyễn Trường	Thi	09/12/2000	Nam	Nhơn Hội	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
403	C12-0444	Nguyễn Quốc	Thoại	29/11/2000	Nam	Cát Chánh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
404	C12-0445	Phạm Văn	Thủy	26/08/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
405	C12-0446	Phạm Văn	Vũ	20/10/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
406	C12-0447	Phan Anh	Vũ	08/07/2000	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
407	C12-0448	Nguyễn Phi	Công	25/05/2000	Nam	Tây Xuân	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN C
408	C12-0449	Nguyễn Tiến	Dũng	28/02/1998	Nam	TT. La Hà	Tư Nghĩa	Quảng Ngãi	Điện CN C
409	C12-0450	Lý Thành	Đạt	23/01/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN C
410	C12-0451	Trương Đình Trọng	Hậu	28/11/2000	Nam	Phường 4	Tuy Hòa	Phú Yên	Điện CN C
411	C12-0452	Vũ Duy	Hiền	28/07/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN C
412	C12-0453	Lê Văn	Hiếu	05/09/2000	Nam	Mỹ Thọ	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN C
413	C12-0454	Lương Kim	Hiếu	26/07/2000	Nam	Mỹ Tài	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN C
414	C12-0455	Phạm Ngọc	Hùng	02/05/1999	Nam	Cát Trinh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C
415	C12-0456	Nguyễn Ngọc	Huy	19/01/2000	Nam	TT. Ngô Mỹ	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C
416	C12-0457	Nguyễn Quang	Huy	26/03/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN C
417	C12-0458	Huỳnh Xuân	Khoa	22/08/2000	Nam	TT. Phù Mỹ	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN C
418	C12-0459	Phan Quốc Anh	Khoa	03/05/2000	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN C
419	C12-0460	Bùi Văn	Lộc	20/08/2000	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN C
420	C12-0461	Lê Hữu	Nghĩa	23/03/2000	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C
421	C12-0462	Nguyễn Trọng	Nguyên	30/11/1999	Nam	Hoài Châu	Hoài Nhơn	Bình Định	Điện CN C
422	C12-0463	Lương Anh	Phụng	21/01/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
423	C12-0464	Đoàn Văn	Phương	14/08/1995	Nam	Thành An	An Khê	Gia Lai	Điện CN C
424	C12-0465	Nguyễn Trung	Quân	19/04/1999	Nam	Ấn Hào Tây	Hoài Ân	Bình Định	Điện CN C
425	C12-0466	Nguyễn Văn	Quy	28/02/1997	Nam	Hoài Xuân	Hoài Nhơn	Bình Định	Điện CN C
426	C12-0467	Lê Công	Quyền	10/09/1999	Nam	Cát Chánh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C
427	C12-0468	Đỗ Lê	Sang	24/10/1998	Nam	Tam Quan Bắc	Hoài Nhơn	Bình Định	Điện CN C
428	C12-0469	Lưu Thế	Sinh	01/05/1999	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C
429	C12-0470	Đặng Trọng	Tâm	02/05/2000	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	Điện CN C
430	C12-0471	Trương Nguyên	Thảo	22/11/1998	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN C
431	C12-0472	Nguyễn Minh	Thuận	11/05/2000	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN C
432	C12-0473	Trương Đình	Tín	16/11/1999	Nam	Nhơn Thọ	An Nhơn	Bình Định	Điện CN C
433	C12-0474	Nguyễn Ngọc	Tinh	05/04/1999	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN C
434	C12-0475	Mạc Như	Trình	12/12/1998	Nam	Cát Trinh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN C
435	C12-0476	Huỳnh Văn	Trọng	02/09/1999	Nam	Nhơn Lộc	An Nhơn	Bình Định	Điện CN C
436	C12-0477	Phạm Thanh	Tuấn	18/11/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN C
437	C12-0478	Võ Minh	Tuấn	10/01/2000	Nam	Mỹ Hòa	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN C
438	C12-0479	Đào Thanh	Tùng	07/01/1999	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	Điện CN C
439	C12-0480	Đinh Việt	Úc	21/07/2000	Nam	Vĩnh Sơn	Vĩnh Thạnh	Bình Định	Điện CN C
440	C12-0481	Lê Trung	Ý	03/12/1999	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN C
441	C12-0482	Bùi Minh	Bửu	02/09/1998	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	ĐTCN
442	C12-0483	Trần Quyết	Chiến	13/03/2000	Nam	Ấn Phong	Hoài Ân	Bình Định	ĐTCN
443	C12-0484	Lê Văn	Duẩn	24/06/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	ĐTCN
444	C12-0485	Lê Thành	Dũy	20/12/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	ĐTCN
445	C12-0486	Nguyễn Tấn	Hảo	26/10/2000	Nam	Nhơn Thọ	An Nhơn	Bình Định	ĐTCN
446	C12-0487	Phạm Văn	Hiển	28/04/2000	Nam	Xuân Thịnh	Sông Cầu	Phú Yên	ĐTCN
447	C12-0488	Nguyễn Xuân	Hoàng	20/10/2000	Nam	Xuân Bình	Sông Cầu	Phú Yên	ĐTCN
448	C12-0489	Đinh Thanh	Hưng	21/10/1995	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	ĐTCN
449	C12-0490	Phan Thành	Hưng	26/02/2000	Nam	Ấn Tín	Hoài Ân	Bình Định	ĐTCN
450	C12-0491	Nguyễn Bá	Kháng	27/05/1999	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	ĐTCN
451	C12-0492	Đặng	Lộc	25/08/2000	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
452	C12-0493	Hồ Kỳ	Long	10/12/98	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
453	C12-0494	Trần Phương	Nam	19/09/2000	Nam	Hoài	Hoài Nhơn	Bình Định	ĐTCN
454	C12-0495	Lê Anh	Nguyên	22/06/2000	Nam	Cư Mốt	Ea H'leo	Đắk Lắk	ĐTCN
455	C12-0496	Trần Đình Hoàng	Nhất	16/09/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	ĐTCN
456	C12-0497	Nguyễn Minh	Nhật	24/11/2000	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	ĐTCN
457	C12-0498	Huỳnh Đức	Phương	02/09/2000	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	ĐTCN
458	C12-0499	Nguyễn Trần Đức	Quỳnh	28/09/2000	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
459	C12-0500	Nguyễn Chí	Tâm	12/04/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	ĐTCN
460	C12-0501	Nguyễn Công	Tặng	29/01/2000	Nam	Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh	Bình Định	ĐTCN
461	C12-0502	Phùng Mạnh	Thắng	20/06/1997	Nam	Nhơn Hội	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
462	C12-0503	Đỗ Đình	Thắng	25/10/1999	Nam	An Tân	An Lão	Bình Định	ĐTCN
463	C12-0504	Võ Duy	Thanh	22/09/1998	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	ĐTCN
464	C12-0505	Trần Hoàng	Thiện	19/07/1999	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
465	C12-0506	Trần Quốc	Toàn	01/01/2000	Nam	Ấn Tường Tây	Hoài Ân	Bình Định	ĐTCN

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
466	C12-0507	Lê Hoàng Ân		25/11/2000	Nam	Tú An	An Khê	Gia Lai	Hàn
467	C12-0508	Nguyễn Thành Ban		22/01/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
468	C12-0509	Huỳnh Ngọc Châu		16/08/1997	Nam	Kông Pla	K'Bang	Gia Lai	Hàn
469	C12-0510	Mai Văn Chiến		04/01/2000	Nam	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
470	C12-0511	Nguyễn Văn Dưỡng		02/01/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
471	C12-0512	Lương Thành Đô		16/05/1999	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
472	C12-0513	Nguyễn Tấn Đông		10/06/2000	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
473	C12-0514	Châu Công Hậu		04/01/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
474	C12-0515	Nguyễn Văn Hậu		15/11/2000	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	Hàn
475	C12-0516	Nguyễn Thành Hưng		06/05/1999	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
476	C12-0517	Nguyễn Quốc Huy		20/02/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
477	C12-0518	Phùng Tấn Khoa		16/02/2000	Nam	Hoài Châu	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
478	C12-0519	Nguyễn Văn Lộc		04/02/1998	Nam	Nhơn Tân	An Nhơn	Bình Định	Hàn
479	C12-0520	Nguyễn Đình Lực		06/11/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
480	C12-0521	Đinh Ngọc Lưu		22/02/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	Hàn
481	C12-0522	Nguyễn Tấn Mạnh		01/11/2000	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
482	C12-0523	Trương Văn Nghĩa		29/11/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
483	C12-0524	Trần Thảo Nguyên		29/11/2000	Nam	Hoài Châu Bắc	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
484	C12-0525	Lê Thế Sơn		27/02/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	Hàn
485	C12-0526	Nguyễn Văn Tân		20/06/1997	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	Hàn
486	C12-0527	Trần Minh Thạch		20/09/1999	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	Hàn
487	C12-0528	Trần Công Thái		18/10/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
488	C12-0529	Huỳnh Lưu Thảo		17/03/1997	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	Hàn
489	C12-0530	Trần Văn Toàn		26/11/2000	Nam	Hoài Thanh	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
490	C12-0531	Phạm Thị Kim Chung		27/03/2000	Nữ	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	QTNH
491	C12-0532	Võ Thị Thùy Dung		07/04/1999	Nữ	P. Nhơn Thành	An Nhơn	Bình Định	QTNH
492	C12-0533	Lê Thị Kỳ Duyên		18/08/2000	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	QTNH
493	C12-0534	Nguyễn Đức Đại		02/05/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	QTNH
494	C12-0535	Huỳnh Tô Hân		01/11/1999	Nữ	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	QTNH
495	C12-0536	Trương Thị Hồng Hân		27/04/2000	Nữ	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	QTNH
496	C12-0537	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		14/08/1998	Nữ	Bình Đông	Bình Sơn	Quảng Ngãi	QTNH
497	C12-0538	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		11/07/1999	Nữ	Nhơn Tân	An Nhơn	Bình Định	QTNH
498	C12-0539	Bùi Trần Hào		25/09/1997	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	QTNH
499	C12-0540	Dương Thị Ngọc Huyền		06/12/2000	Nữ	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	QTNH
500	C12-0541	Nguyễn Thị Bích Ngọc		06/06/2000	Nữ	Nhơn Hải	Quy Nhơn	Bình Định	QTNH
501	C12-0623	Nguyễn Ngọc Nhân		12/01/2000	Nam	TT. Phù Mỹ	Phù Mỹ	Bình Định	QTNH
502	C12-0542	Nguyễn Huỳnh Như		20/02/2000	Nam	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	QTNH
503	C12-0543	Hồ Thị Hồng Nhung		04/10/2000	Nữ	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	QTNH
504	C12-0544	Nguyễn Thị Bích Phượng		08/01/1999	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	QTNH
505	C12-0545	Nguyễn Hoàng Sơn		20/10/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	QTNH
506	C12-0546	Trần Đức Sơn		01/12/2000	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	QTNH
507	C12-0548	Nguyễn Thị Kim Thơ		12/09/2000	Nữ	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	QTNH
508	C12-0549	Đặng Thị Thoa		09/09/2000	Nữ	Ấn Hào Tây	Hoài Ân	Bình Định	QTNH

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
509	C12-0550	Lương Thanh	Vỹ	05/04/2000	Nữ	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	QTNH
510	C12-0551	Đặng Thị Ngọc	Xuân	16/08/1996	Nữ	Cát Hải	Phù Cát	Bình Định	QTNH
511	C12-0552	Lương Minh	Chí	28/08/2000	Nam	P. An Phú	An Khê	Gia Lai	VH,SCTBL A
512	C12-0553	Võ Tiến	Dũ	24/11/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
513	C12-0554	Nguyễn Thanh	Dương	02/09/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
514	C12-0555	Đoàn Văn	Giỏi	12/08/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
515	C12-0556	Đoàn Thành	Hải	06/03/2000	Nam	Cát Tân	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL A
516	C12-0557	Nguyễn Văn	Hòa	20/11/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
517	C12-0558	Lê Minh	Hoàng	05/11/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
518	C12-0559	Đào Văn	Huy	02/10/2000	Nam	Nhơn Tân	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
519	C12-0560	Đình Quốc	Huy	13/02/2000	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
520	C12-0561	Nguyễn Thế	Khuyến	20/06/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL A
521	C12-0562	Nguyễn Thành	Long	04/03/2000	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	VH,SCTBL A
522	C12-0563	Võ Văn	Lượng	15/03/2000	Nam	Tây Thuận	Tây Sơn	Bình Định	VH,SCTBL A
523	C12-0564	Nguyễn Xuân	Mai	21/05/2000	Nam	Hoài Sơn	Hoài Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
524	C12-0565	Võ Hồng	Nhân	27/08/1999	Nam	Cát Hải	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL A
525	C12-0566	Trần Văn	Quân	20/09/2000	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
526	C12-0567	Nguyễn Văn	Quang	21/09/2000	Nam	Hoài Hào	Hoài Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
527	C12-0568	Trần Hữu	Quốc	11/09/1999	Nam	Phú An	Đắk Pơ	Gia Lai	VH,SCTBL A
528	C12-0569	Nguyễn Văn	Quý	04/07/2000	Nam	Hoài Phú	Hoài Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
529	C12-0570	Lương Văn	Sang	12/05/2000	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	VH,SCTBL A
530	C12-0571	Nguyễn Công	Tài	24/02/2000	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	VH,SCTBL A
531	C12-0572	Võ Tấn	Tài	01/05/2000	Nam	Cát Sơn	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL A
532	C12-0573	Huỳnh Việt	Tân	26/09/2000	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
533	C12-0574	Nguyễn Bảo	Thiện	24/07/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
534	C12-0575	Nguyễn Chí	Thiện	20/02/2000	Nam	Nhơn Phong	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
535	C12-0576	Võ Công	Thuần	12/06/2000	Nam	Cát Tân	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL A
536	C12-0577	Lê Quốc	Tín	20/09/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
537	C12-0578	Nguyễn Văn	Tín	10/02/1998	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL A
538	C12-0579	Nguyễn Thanh	Toàn	14/03/2000	Nam	P. Bình Định	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
539	C12-0580	Đỗ Cao	Trang	06/10/2000	Nam	Dun	Chư Sê	Gia Lai	VH,SCTBL A
540	C12-0581	Đặng Ngọc	Trí	28/01/2000	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
541	C12-0582	Diệp Thế	Trọng	21/06/2000	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
542	C12-0583	Huỳnh Duy	Trung	04/09/2000	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL A
543	C12-0584	Đào Hồng	Tuấn	12/05/2000	Nam	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	Bình Định	VH,SCTBL A
544	C12-0585	Nguyễn Trọng	Tuyển	29/10/1999	Nam	Nhơn Lộc	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL A
545	C12-0586	Đào Minh	Báu	04/06/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
546	C12-0587	Phạm Thái	Bình	14/01/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
547	C12-0588	Đỗ Đức	Diệp	21/08/1998	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
548	C12-0589	Nguyễn Tấn	Duy	01/11/2000	Nam	Mỹ Thành	Phù Mỹ	Bình Định	VH,SCTBL B
549	C12-0590	Trần Quang	Đăng	19/04/2000	Nam	Tây Xuân	Tây Sơn	Bình Định	VH,SCTBL B
550	C12-0591	Nguyễn Thành	Đạt	16/09/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
551	C12-0592	Phan Tấn	Đạt	15/11/2000	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
552	C12-0593	Ngô Hồng	Giang	10/07/2000	Nam	Phước Quang	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
553	C12-0594	Nguyễn Nhật	Hào	16/02/2000	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
554	C12-0595	Nguyễn Đức	Hiếu	20/12/1995	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	VH,SCTBL B
555	C12-0596	Nguyễn Minh	Hiếu	20/06/1999	Nam	TT. K'Bang	K'Bang	Gia Lai	VH,SCTBL B
556	C12-0597	Phạm Thanh	Hoàng	24/03/2000	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
557	C12-0599	Lê Ngọc	Hưng	19/06/2000	Nam	Cát Hiệp	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
558	C12-0598	Hồ Quang	Huy	15/06/1997	Nam	Cát Trinh	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
559	C12-0600	Nguyễn Duy	Lân	17/11/2000	Nam	TT. Ngô Mây	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
560	C12-0601	Nguyễn Văn	Lưu	01/10/2000	Nam	Tây Phú	Tây Sơn	Bình Định	VH,SCTBL B
561	C12-0602	Đặng Minh	Nhật	20/05/2000	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
562	C12-0603	Võ Thành	Phúc	25/06/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
563	C12-0604	Nguyễn Hữu	Phương	31/08/2000	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
564	C12-0605	Nguyễn Văn	Quang	20/10/2000	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
565	C12-0606	Lê Văn	Tài	08/05/2000	Nam	TT. Vân Canh	Vân Canh	Bình Định	VH,SCTBL B
566	C12-0607	Nguyễn Ngọc	Tân	04/09/2000	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	VH,SCTBL B
567	C12-0608	Trần Văn	Thạch	02/05/2000	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	VH,SCTBL B
568	C12-0609	Nguyễn Năm	Thìn	28/05/2000	Nam	Mỹ Trinh	Phù Mỹ	Bình Định	VH,SCTBL B
569	C12-0610	Nguyễn Duy	Tiên	09/02/1999	Nam	Nhơn Hậu	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
570	C12-0611	Nguyễn Võ Thanh	Tiến	20/07/2000	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
571	C12-0612	Võ Văn	Toàn	29/04/2000	Nam	An Ninh Tây	Tuy An	Phú Yên	VH,SCTBL B
572	C12-0613	Trần Văn	Trâm	06/08/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
573	C12-0614	Nguyễn Văn	Trí	10/09/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
574	C12-0615	Nguyễn Tấn	Tuấn	20/11/2000	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	VH,SCTBL B
575	C12-0616	Nguyễn Anh	Tùng	06/02/2000	Nam	P. Cheo Reo	Ayunpa	Gia Lai	VH,SCTBL B
576	C12-0617	Nguyễn Ngọc	Vinh	10/12/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B
577	C12-0618	Nguyễn Đình	Vũ	09/10/1997	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	VH,SCTBL B

Danh sách này có 577 sinh viên.

Trong đó:

Nam: 563 Nữ: 14
 Trong tỉnh: 506 (Hộ khẩu Quy Nhơn: 78)
 Ngoài tỉnh: 71
 Nghề Cắt gọt kim loại: 39
 Nghề Chế tạo thiết bị cơ khí: 61
 Nghề Công nghệ Ôtô: 191
 Nghề Công nghệ thông tin: 30
 Nghề Cơ điện tử: 21
 Nghề Điện công nghiệp: 98
 Nghề Điện tử công nghiệp: 25
 Nghề Hàn: 24
 Nghề Quản trị nhà hàng: 21
 Nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh: 67



DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP
NHẬP HỌC VÀO TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
NĂM 2018 - KHÓA 12 - HỆ 2 NĂM - NIÊN KHÓA 2018 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 4/12/2018)

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	T12-0001	Hồ Ngọc Gia	Bảo	20/10/2003	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
2	T12-0002	Phạm Thanh	Đạo	16/08/1999	Nam	Hoài Châu Bắc	Hoài Nhơn	Bình Định	CGKL
3	T12-0003	Trần Đức	Hòa	03/04/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
4	T12-0004	Nguyễn Văn	Hoan	10/04/1997	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
5	T12-0005	Lê Vũ Quang	Huy	25/05/1999	Nam	P. Trà Bá	Pleiku	Gia Lai	CGKL
6	T12-0006	Nguyễn Ngọc	Huy	25/11/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
7	T12-0007	Nguyễn Xuân	Huy	20/11/2002	Nam	Xuân Bình	Sông Cầu	Phú Yên	CGKL
8	T12-0008	Phạm Ngọc	Ngân	02/03/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CGKL
9	T12-0009	Mai Anh	Tài	21/07/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
10	T12-0010	Trần Thành	Tài	28/11/2001	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	CGKL
11	T12-0011	Trương Tấn	Tài	10/02/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
12	T12-0012	Nguyễn Trí	Thắng	05/11/1997	Nam	Ninh Sim	Ninh Hòa	Khánh Hòa	CGKL
13	T12-0013	Võ Văn	Thành	26/02/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
14	T12-0014	Đồng Văn	Thoàng	23/02/1997	Nam	Cát Tiến	Phù Cát	Bình Định	CGKL
15	T12-0015	Nguyễn Văn	Tín	25/03/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
16	T12-0016	Trần Đại	Trà	15/09/1997	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	CGKL
17	T12-0017	Đoàn Văn	Trí	13/04/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CGKL
18	T12-0018	Nguyễn Quang	Trưởng	26/04/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CGKL
19	T12-0019	Võ Ngọc	Truyện	19/05/2001	Nam	Ân Hào Tây	Hoài Ân	Bình Định	CGKL
20	T12-0020	Trần Minh	Tuấn	14/10/1998	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CGKL
21	T12-0021	Nguyễn Minh	Vương	05/05/2003	Nam	TT. Tăng Bạt Hổ	Hoài Ân	Bình Định	CGKL
22	T12-0022	Nguyễn Phú	An	09/10/2003	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
23	T12-0023	Đặng Gia	Bảo	07/12/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
24	T12-0024	Nguyễn Duy	Bảo	10/07/2002	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK
25	T12-0496	Nguyễn Văn	Cường	06/06/2002	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK
26	T12-0025	Nguyễn Tấn	Đạt	01/09/2000	Nam	Tây Vinh	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK
27	T12-0026	Đoàn Anh	Định	09/08/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK
28	T12-0027	Võ Nam	Định	29/03/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
29	T12-0028	Phạm Thành	Được	11/09/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
30	T12-0029	Lê Văn	Hải	06/01/2000	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	CTTBCK
31	T12-0030	Trần Khắc	Hiển	06/02/2000	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK
32	T12-0031	Phạm Duy	Hiệp	03/09/2003	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK
33	T12-0032	Nguyễn Văn	Hoài	30/10/2002	Nam	Hoài Phú	Hoài Nhơn	Bình Định	CTTBCK
34	T12-0033	Lê Khánh	Hung	25/08/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
35	T12-0034	Đỗ Vũ	Huy	11/01/2000	Nam	Nhơn An	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK
36	T12-0035	Nguyễn Quang	Huy	11/11/2001	Nam	Ân Hào Tây	Hoài Ân	Bình Định	CTTBCK

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
37	T12-0036	Nguyễn Quốc	Huy	04/06/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
38	T12-0037	Nguyễn Thành	Huy	15/04/2000	Nam	Nhơn Thọ	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK
39	T12-0038	Nguyễn Đăng Đình	Huynh	10/05/2000	Nam	TT. Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CTTBCK
40	T12-0039	Phan Kim	Long	23/04/2002	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
41	T12-0040	Nguyễn Thiện	Luân	25/06/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
42	T12-0041	Huỳnh Văn	Luôn	06/08/2003	Nam	Nhơn Hội	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
43	T12-0042	Bùi Tấn	Minh	13/02/2003	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK
44	T12-0043	Phạm Hồng	Nam	14/04/2003	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK
45	T12-0044	Trần Bá	Ngọc	20/09/2003	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	CTTBCK
46	T12-0045	Ngô Nguyễn Đức	Nhân	18/09/2002	Nam	P. Duy Tân	TP. Kom Tum	Kon Tum	CTTBCK
47	T12-0046	Nguyễn Xuân	Nhật	18/10/2000	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK
48	T12-0047	Đoàn Trọng	Nhựt	30/05/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
49	T12-0048	Đình Văn	Phi	18/12/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
50	T12-0049	Nguyễn Mạnh	Phi	22/11/2000	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK
51	T12-0050	Đặng Vinh	Quanh	19/02/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
52	T12-0051	Huỳnh Thanh	Sang	18/02/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
53	T12-0052	Võ Văn	Thọ	12/09/2001	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
54	T12-0053	Phan Trung	Thuận	17/02/2000	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK
55	T12-0054	Nguyễn Huỳnh	Tiến	24/02/2003	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	CTTBCK
56	T12-0055	Lê Công	Trí	25/03/2003	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CTTBCK
57	T12-0056	Phạm Thanh	Trường	21/05/2003	Nam	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	Bình Định	CTTBCK
58	T12-0057	Bạch Hoàng	Vương	10/03/1997	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CTTBCK
59	T12-0491	Nguyễn Minh	Vương	09/06/2003	Nam	Cát Thành	Phù Cát	Bình Định	CTTBCK
60	T12-0058	Hồ Ngọc	Bảo	25/08/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
61	T12-0059	Lê Công	Cường	13/08/2003	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
62	T12-0060	Nguyễn Hải	Dương	13/05/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
63	T12-0061	Nguyễn Văn	Duy	18/01/2003	Nam	Mỹ Thành	Phù Mỹ	Bình Định	CN ô tô A
64	T12-0062	Nguyễn Trần	Đại	15/09/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
65	T12-0063	Nguyễn Tiến	Đạt	12/03/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
66	T12-0064	Phan Quốc	Đạt	07/11/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
67	T12-0065	Đình Văn	Giang	20/10/1999	Nam	Canh Thuận	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô A
68	T12-0066	Phạm Thanh	Hiếu	19/11/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
69	T12-0067	Nguyễn Văn	Hòa	02/05/1998	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
70	T12-0068	Hà Minh	Hoàng	29/06/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
71	T12-0069	Nguyễn Văn	Hùng	14/02/2003	Nam	Xuân Thủy	Lệ Thủy	Quảng Bình	CN ô tô A
72	T12-0070	Trần Nguyên	Hung	03/11/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
73	T12-0071	Đỗ Tấn	Hữu	24/12/2003	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô A
74	T12-0072	Hồ Văn	Huy	10/11/2002	Nam	P. An Tân	An Khê	Gia Lai	CN ô tô A
75	T12-0073	Võ Văn	Lộc	27/08/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
76	T12-0074	Nguyễn	Lợi	20/07/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
77	T12-0075	Nguyễn Nguyên	Lý	27/07/2000	Nam	P. Lý Thường Kiệt	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
78	T12-0076	Nguyễn Đức	Minh	14/01/2002	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
79	T12-0077	Phan Nguyễn Hữu	Nam	10/12/2003	Nam	Cát Thành	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
80	T12-0078	Trần Công	Nhuận	01/02/1999	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
81	T12-0081	Nguyễn Đức	Phú	22/01/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
82	T12-0079	Nguyễn Như	Phú	28/05/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
83	T12-0080	Trần Quốc	Phú	25/04/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
84	T12-0082	Thái Hữu	Phước	06/04/1997	Nam	Cát Chánh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô A
85	T12-0083	Lưu Minh	Quốc	07/12/2002	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
86	T12-0084	Hà Ngọc	Thời	26/12/1996	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
87	T12-0085	Nguyễn Thanh	Tiến	30/03/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
88	T12-0086	Nguyễn Thanh	Tra	29/11/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
89	T12-0087	Nguyễn Xuân	Trung	26/06/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô A
90	T12-0088	Nguyễn Văn	Tuân	20/10/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
91	T12-0089	Hà Thanh	Tùng	13/04/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô A
92	T12-0090	Huỳnh Lê Quốc	Bảo	27/09/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
93	T12-0091	Nguyễn Hoài	Bảo	01/01/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
94	T12-0092	Nguyễn Quốc	Bảo	24/03/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
95	T12-0093	Võ Gia	Bảo	04/05/2003	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
96	T12-0094	Võ Quốc	Bảo	30/09/2003	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
97	T12-0095	Trần Lê Minh	Cánh	19/08/2003	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
98	T12-0096	Nguyễn Hữu	Đạt	12/11/1997	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
99	T12-0097	Đỗ Thành	Đông	28/03/2003	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
100	T12-0098	Đỗ Đại	Đức	12/11/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
101	T12-0099	Nguyễn Hồng	Hiệp	01/01/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
102	T12-0100	Huỳnh Văn	Huy	21/10/2002	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô B
103	T12-0101	Phạm Đình	Huy	04/09/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
104	T12-0102	Phí Trung	Kiên	21/07/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
105	T12-0103	Trần Gia	Kiến	25/07/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
106	T12-0104	Võ Tuấn	Kiệt	26/01/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
107	T12-0105	Dương Quang	Linh	30/03/2000	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
108	T12-0106	Lương Hải	Nam	24/04/2002	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
109	T12-0107	Thái Công	Nghiệp	22/07/2003	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
110	T12-0108	Huỳnh Anh	Nhật	22/06/2003	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
111	T12-0109	Nguyễn Quang	Nhật	28/05/2001	Nam	Bình Thành	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
112	T12-0110	Nguyễn Đình	Phát	09/12/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
113	T12-0111	Ngô Duy	Phi	10/05/2002	Nam	Hoài Đức	Hoài Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
114	T12-0112	Trần Thái	Phong	13/01/2000	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh	Bình Định	CN ô tô B
115	T12-0492	Huỳnh Công	Phú	26/06/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
116	T12-0113	Phạm Nguyên	Phú	09/08/2003	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
117	T12-0114	Nguyễn Văn	Sính	19/07/2000	Nam	An Phú	Pleiku	Gia Lai	CN ô tô B
118	T12-0115	Ngô Văn	Tài	08/02/2002	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
119	T12-0116	Huỳnh Tấn	Thành	10/11/2002	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
120	T12-0117	Nguyễn Văn	Thịnh	01/08/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
121	T12-0118	Nguyễn Trường	Thọ	11/06/2003	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô B
122	T12-0119	Nguyễn Xuân	Thông	25/10/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
123	T12-0120	Trần Thanh	Thường	16/12/2003	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
124	T12-0121	Nguyễn Phan Duy	Toàn	09/01/2003	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
125	T12-0122	Nguyễn Trần Trí	Trí	01/05/2003	Nam	Nhơn Hải	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
126	T12-0123	Phan Huỳnh Anh Tú	Tú	16/08/2000	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô B
127	T12-0124	Ngô Công Tuấn	Tuấn	09/02/2003	Nam	Cát Hải	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô B
128	T12-0125	Phạm Tuấn	Tuấn	07/12/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô B
129	T12-0126	Trần Quang Bảo	Bảo	18/07/2003	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
130	T12-0127	Lê Tuấn Bình	Bình	13/07/2002	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
131	T12-0128	Huỳnh Đức Duy	Duy	02/01/2000	Nam	Canh Vinh	Vân Canh	Bình Định	CN ô tô C
132	T12-0129	Nguyễn Đức Duy	Duy	18/01/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
133	T12-0130	Nguyễn Trần Khánh Duy	Duy	06/10/2002	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
134	T12-0131	Nguyễn Phát Đạt	Đạt	30/06/2003	Nam	P. Nhơn Hưng	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
135	T12-0132	Trương Phước Điều	Điều	29/12/2003	Nam	Cát Thành	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
136	T12-0133	Nguyễn Mạnh Đình	Đình	04/09/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
137	T12-0134	Nguyễn Đức Hiệp	Hiệp	20/09/1999	Nam	Nhơn Phong	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
138	T12-0135	Nguyễn Tiến Hòa	Hòa	05/02/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
139	T12-0136	Võ Chí Hưng	Hưng	10/11/2001	Nam	P. An Bình	Buôn Hồ	Đắk Lắk	CN ô tô C
140	T12-0137	Doãn Nguyễn Huy	Huy	01/11/2000	Nam	TT. Tăng Bạt Hổ	Hoài Ân	Bình Định	CN ô tô C
141	T12-0138	Huỳnh Quang Huy	Huy	26/08/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
142	T12-0139	Huỳnh Trần Tấn Huy	Huy	02/12/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
143	T12-0140	Đỗ Nhật Khoa	Khoa	03/06/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
144	T12-0141	Từ Đăng Khoa	Khoa	05/06/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
145	T12-0142	Nguyễn Quốc Trung Kiên	Kiên	05/08/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
146	T12-0143	Nguyễn Thế Kiệt	Kiệt	02/06/2000	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
147	T12-0144	Võ Trường Kiệt	Kiệt	04/01/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
148	T12-0145	Lê Nguyễn Đức Lân	Lân	08/09/2002	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
149	T12-0146	Phạm Xuân Lộc	Lộc	14/09/2003	Nam	Công Thành	Yên Thành	Nghệ An	CN ô tô C
150	T12-0147	Nguyễn Đào Thanh Lượng	Lượng	11/11/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
151	T12-0148	Bùi Hoài Nam	Nam	20/08/2003	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
152	T12-0149	Đặng Thành Nam	Nam	28/11/1999	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	CN ô tô C
153	T12-0150	Nguyễn Lê Nghiêm	Nghiêm	14/11/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
154	T12-0151	Phan Sỹ Nguyên	Nguyên	02/10/2000	Nam	Nhơn An	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
155	T12-0152	Huỳnh Nhật Phong	Phong	24/08/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
156	T12-0153	Trần Lê Phong	Phong	17/12/2003	Nam	Cát Hiệp	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
157	T12-0154	Trần Hoàng Phúc	Phúc	26/09/2002	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
158	T12-0155	Nguyễn Minh Phụng	Phụng	27/04/2003	Nam	Cát Trinh	Phù Cát	Bình Định	CN ô tô C
159	T12-0156	Huỳnh Trương Đức Sang	Sang	03/11/1999	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
160	T12-0157	Nguyễn Ngọc Hoàng Sơn	Sơn	06/07/2000	Nam	P. Bình Định	An Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
161	T12-0158	Nguyễn Chí Thành	Thành	02/11/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	CN ô tô C
162	T12-0159	Nguyễn Quốc Thịnh	Thịnh	10/02/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
163	T12-0160	Nguyễn Văn Trọng	Trọng	15/07/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
164	T12-0161	Đỗ Thanh Tú	Tú	26/03/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
165	T12-0162	Hoàng Trọng Tú	Tú	20/02/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CN ô tô C
166	T12-0163	Nguyễn Văn Tuấn	Tuấn	09/11/2003	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CN ô tô C
167	T12-0164	Nguyễn Quốc Bảo	Bảo	23/11/2003	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
168	T12-0165	Đặng Văn Bình	Bình	15/03/2003	Nam	Mỹ Lộc	Phù Mỹ	Bình Định	CNTT

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
169	T12-0166	Nguyễn Quốc	Cường	27/01/2003	Nam	P. Hiệp Thành	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	CNTT
170	T12-0167	Nguyễn Quốc	Cường	17/05/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
171	T12-0168	Phan Minh	Duy	28/05/2003	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
172	T12-0169	Nguyễn Đại	Đông	24/06/2002	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
173	T12-0170	Lê Ngọc	Hân	08/01/2003	Nữ	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
174	T12-0171	Trần Ngọc	Hân	23/06/2003	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
175	T12-0172	Võ Văn	Hay	29/07/2000	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
176	T12-0173	Nguyễn Văn	Hiền	10/10/2000	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	CNTT
177	T12-0174	Huỳnh Đăng Trung	Hiếu	03/05/1999	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
178	T12-0175	Phạm Phi	Hùng	08/01/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
179	T12-0176	Huỳnh Nhật	Huy	12/09/2003	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
180	T12-0177	Nguyễn Gia	Huy	26/09/2001	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
181	T12-0178	Lê Tuấn	Khải	09/08/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
182	T12-0179	Lý Nhật	Lâm	18/12/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
183	T12-0180	Phan	Lâm	08/10/2002	Nam	P. Lý Thường Kiệt	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
184	T12-0181	Mai Xuân Thanh	Linh	25/12/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
185	T12-0182	Đỗ Hoàng	Long	27/05/2000	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
186	T12-0183	Đỗ Hoàng	Long	22/01/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
187	T12-0184	Dương Hoàng	Long	08/05/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
188	T12-0185	Nguyễn Hoài	Nam	29/09/1999	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
189	T12-0186	Đăng Thị	Nhấn	16/06/2003	Nữ	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
190	T12-0187	Ngô Khổng Minh	Niên	15/01/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
191	T12-0188	Nguyễn Lê Hoàng	Phương	30/11/2002	Nữ	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
192	T12-0189	Nguyễn Hồng Anh	Quân	15/02/2003	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
193	T12-0190	Đăng Nhật	Tân	30/04/2003	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
194	T12-0191	Đỗ Quốc	Thắng	07/06/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
195	T12-0192	Trương Toàn	Thắng	26/09/2003	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
196	T12-0193	Trần Văn	Thạo	08/08/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
197	T12-0194	Trần Hữu	Thông	05/03/2003	Nam	P. Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	CNTT
198	T12-0195	Huỳnh Thành Châu	Trúc	26/05/2002	Nữ	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	CNTT
199	T12-0196	Lê Phi	Trường	18/02/2003	Nam	Bình Tân	Tây Sơn	Bình Định	CNTT
200	T12-0197	Nguyễn Anh	Tú	16/07/2002	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
201	T12-0198	Nguyễn Anh	Tuấn	28/03/1999	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
202	T12-0199	Nguyễn Phạm Hoàng	Tướng	11/11/2003	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
203	T12-0200	Trần Thế	Vinh	18/07/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
204	T12-0201	Nguyễn Đại	Vũ	30/08/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
205	T12-0202	Nguyễn Đỗ Hoàng	Vũ	12/08/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	CNTT
206	T12-0203	Võ Thị Thanh	Xuân	18/06/2003	Nữ	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	CNTT
207	T12-0204	Võ Thiên	Ân	03/12/2003	Nam	P. Vạn Thắng	Nha Trang	Khánh Hòa	Điện CN A
208	T12-0205	Nguyễn Hoàng	Anh	12/09/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
209	T12-0206	Phan Hồ Quốc	Bảo	22/07/2002	Nam	P. Nhơn Hưng	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
210	T12-0207	Nguyễn Hữu	Chức	16/12/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
211	T12-0208	Dương Đình	Chung	07/12/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
212	T12-0209	Nguyễn Thanh	Cường	30/01/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
213	T12-0210	Phan Nguyễn Quốc Cường		24/09/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
214	T12-0211	Nguyễn Khánh Duy		30/08/2003	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
215	T12-0212	Nguyễn Văn Duy		23/03/2001	Nam	Cát Tiến	Phù Cát	Bình Định	Điện CN A
216	T12-0213	Lâm Thành Đạt		18/05/2003	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
217	T12-0214	Lê Ngọc Giới		15/01/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
218	T12-0215	Nguyễn Đình Huy		05/07/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
219	T12-0216	Thái Gia Huy		02/09/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
220	T12-0217	Trần Quang Huy		16/11/2000	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
221	T12-0218	Phan Văn Khánh		06/07/2002	Nam	Nhơn Mỹ	An Nhơn	Bình Định	Điện CN A
222	T12-0219	Đào Tấn Khoa		02/02/2002	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
223	T12-0220	Tô Hoài Linh		20/07/2001	Nam	TT. Đăk Đoa	Đăk Đoa	Gia Lai	Điện CN A
224	T12-0221	Nguyễn Hoàng Long		20/01/2002	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
225	T12-0222	Đặng Cao Luân		16/07/2003	Nam	TT. Bình Dương	Phù Mỹ	Bình Định	Điện CN A
226	T12-0223	Trần Duy Minh		26/05/2003	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
227	T12-0224	Lê Nhật Nam		04/09/2002	Nam	P. Tân Lập	Nha Trang	Khánh Hòa	Điện CN A
228	T12-0225	Nguyễn Phương Nam		05/03/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
229	T12-0226	Nguyễn Thế Nghĩa		20/04/2003	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
230	T12-0227	Nguyễn Tiến Phúc		09/07/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
231	T12-0228	Trần Tôn Phúc		24/08/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
232	T12-0229	Trịnh Đăng Sinh		26/03/2003	Nam	Tây An	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN A
233	T12-0230	Thân Tấn Thành		26/12/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
234	T12-0231	Trần Quang Thế		03/12/2003	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN A
235	T12-0232	Huỳnh Tấn Thịnh		01/01/2003	Nam	Ấn Tín	Hoài Ân	Bình Định	Điện CN A
236	T12-0233	Trần Thanh Thọ		18/11/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
237	T12-0234	Nguyễn Thúc		30/04/2003	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
238	T12-0235	Phạm Nhật Tiến		29/10/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
239	T12-0236	Trần Bảo Trình		10/03/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN A
240	T12-0237	Đoàn Ngọc Anh Tuấn		14/05/2002	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
241	T12-0238	Phạm Văn Vũ		28/08/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN A
242	T12-0239	Nguyễn Văn An		01/06/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
243	T12-0240	Lâm Chí Bảo		06/08/2003	Nam	P. Lý Thường Kiệt	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
244	T12-0241	Nguyễn Thành Bảo		27/01/2001	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
245	T12-0242	Nguyễn Tiến Quang Dũng		10/09/2003	Nam	Tây Xuân	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
246	T12-0243	Nguyễn Quan Dương		24/08/2001	Nam	Cát Sơn	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
247	T12-0244	Nguyễn Tiến Đạt		09/09/2003	Nam	Cát Hải	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
248	T12-0245	Văn Tiến Đạt		24/11/2002	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
249	T12-0246	Nguyễn Duy Đông		29/11/2003	Nam	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
250	T12-0247	Trần Minh Hải		17/04/2002	Nam	Phước Mỹ	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
251	T12-0248	Võ Minh Hiếu		08/08/1999	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
252	T12-0249	Phan Văn Học		20/03/2000	Nam	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
253	T12-0250	Nguyễn Thanh Hùng		01/02/2002	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
254	T12-0251	Nguyễn Duy Hưng		26/07/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
255	T12-0252	Văn Tấn Huy		11/07/2003	Nam	Tây Phú	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
256	T12-0253	Võ Xuân Huy		28/05/2002	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
257	T12-0254	Đổng Tuấn	Khoa	11/02/1999	Nam	Cát Tiến	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
258	T12-0255	Nguyễn Mạnh	Khương	31/03/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
259	T12-0256	Đỗ Phúc	Lâm	01/11/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
260	T12-0257	Lê Công	Minh	07/12/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
261	T12-0258	Phó Thái	Nghĩa	22/12/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
262	T12-0259	Nguyễn Ngọc	Nghiệp	07/06/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
263	T12-0260	Lê Thành	Nguyên	18/03/2000	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
264	T12-0261	Trần Phạm Trung	Nguyên	11/11/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
265	T12-0262	Trần Tùng	Nguyên	03/02/2000	Nam	TT. Vân Canh	Vân Canh	Bình Định	Điện CN B
266	T12-0263	Nguyễn Minh Tuấn	Phú	09/11/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
267	T12-0264	Trần Minh	Quốc	17/12/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
268	T12-0265	Đỗ Chí	Tài	25/04/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
269	T12-0266	Văn	Thân	29/05/2000	Nam	Nhơn Phúc	An Nhơn	Bình Định	Điện CN B
270	T12-0267	Hà Hữu	Thành	07/04/2002	Nam	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
271	T12-0268	Phan Nguyễn Hữu	Thịnh	18/03/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
272	T12-0269	Trần Minh	Thịnh	08/07/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
273	T12-0270	Lê Quang	Thoại	03/04/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
274	T12-0271	Nguyễn Văn	Thoại	12/12/1999	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	Điện CN B
275	T12-0272	Nguyễn Trung	Tín	17/12/2003	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	Điện CN B
276	T12-0273	Nguyễn Văn	Toán	16/10/1997	Nam	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	Điện CN B
277	T12-0274	Võ Xuân	Toàn	26/10/2003	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	Điện CN B
278	T12-0275	Dương Trung	Trực	18/03/2003	Nam	Phước Lộc	Tuy Phước	Bình Định	Điện CN B
279	T12-0276	Lê Xuân	Trường	20/10/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
280	T12-0277	Phạm Văn	Việt	22/02/1998	Nam	Ân Nghĩa	Hoài Ân	Bình Định	Điện CN B
281	T12-0278	Võ Trường	Vũ	06/06/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Điện CN B
282	T12-0279	Dương Quốc	Cường	10/07/2003	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	ĐTCN
283	T12-0280	Đoàn Trọng	Đạo	26/03/2002	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
284	T12-0281	Đặng Hữu	Hùng	31/05/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
285	T12-0282	Nguyễn Kế	Huy	06/10/1995	Nam	Cát Tường	Phù Cát	Bình Định	ĐTCN
286	T12-0283	Lê Ngọc	Khải	12/05/2002	Nam	Hoài Tân	Hoài Nhơn	Bình Định	ĐTCN
287	T12-0284	Nguyễn Thành	Lân	27/09/2000	Nam	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Thạnh	Bình Định	ĐTCN
288	T12-0285	Lê Đồng	Minh	26/11/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
289	T12-0286	Trần Nguyễn Hùng	Phát	31/10/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
290	T12-0287	Cao Đình	Phong	29/09/2003	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	ĐTCN
291	T12-0288	Nguyễn Ngô Bảo	Phúc	01/12/2002	Nam	Gào	Pleiku	Gia Lai	ĐTCN
292	T12-0289	Phan Tiến	Sĩ	10/10/2000	Nam	Bình Hòa	Tây Sơn	Bình Định	ĐTCN
293	T12-0290	Nguyễn Nguu	Son	28/05/2000	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	ĐTCN
294	T12-0291	Lê Hữu	Tài	16/10/1998	Nam	Vĩnh Hào	Vĩnh Thạnh	Bình Định	ĐTCN
295	T12-0292	Dương Tuấn	Thành	28/10/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
296	T12-0293	Nguyễn Nhất	Thiên	10/06/1999	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
297	T12-0294	Nguyễn Tấn	Thức	16/10/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
298	T12-0295	Nguyễn Trung	Tính	21/10/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	ĐTCN
299	T12-0296	Ngô Thái	Bảo	03/06/2003	Nam	Cát Hải	Phù Cát	Bình Định	Hàn
300	T12-0297	Nguyễn Quốc Anh	Dũng	30/06/2000	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	Hàn

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỌ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
301	T12-0298	Huỳnh Bá	Dương	10/04/2002	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
302	T12-0299	Nguyễn Tấn	Dương	13/10/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
303	T12-0300	Nguyễn Thanh Thích	Đạt	19/10/2001	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
304	T12-0301	Nguyễn Thành	Đô	30/11/2002	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
305	T12-0302	Nguyễn Văn	Hào	06/06/1998	Nam	Cát Trinh	Phù Cát	Bình Định	Hàn
306	T12-0303	Dương Văn	Hết	19/12/1998	Nam	Bình Thuận	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
307	T12-0304	Đặng Hữu	Hoàng	24/12/2002	Nam	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
308	T12-0305	Bùi Khương	Hưng	09/02/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
309	T12-0306	Đỗ Hiếu	Huy	19/09/2001	Nam	Hoài Đức	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
310	T12-0307	Bùi Thanh	Long	02/06/2002	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
311	T12-0308	Nguyễn Văn	Lựa	01/05/1999	Nam	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Bình Định	Hàn
312	T12-0309	Lê Văn	Luân	26/05/2003	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	Hàn
313	T12-0310	Trần Văn	Nhiên	11/10/2000	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
314	T12-0311	Huỳnh Tấn	Phong	13/05/2003	Nam	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
315	T12-0312	Lê Tuấn	Phong	16/04/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
316	T12-0313	Phan Minh	Quân	23/04/2003	Nam	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
317	T12-0314	Trần Hữu	Sâm	27/03/2002	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
318	T12-0315	Bùi Quốc	Thái	02/11/1999	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	Hàn
319	T12-0316	Đinh	Thiện	19/04/2001	Nam	Tây Xuân	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
320	T12-0317	Nguyễn Hữu	Tiến	05/04/2003	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	Hàn
321	T12-0318	Nguyễn Trần	Tiến	20/11/2000	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	Hàn
322	T12-0319	Trần Phan Trung	Trực	26/11/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
323	T12-0320	Hồ Văn	Trung	11/07/2003	Nam	Phước Mỹ	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
324	T12-0321	Võ Trọng	Viên	30/11/2002	Nam	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Định	Hàn
325	T12-0322	Nguyễn Hữu	Vũ	06/10/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	Hàn
326	T12-0323	Nguyễn Thị Bích	Bi	15/10/2000	Nữ	Nhơn Hòa	An Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
327	T12-0324	Nguyễn Thanh	Giang	19/12/1996	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	KTCBMA A
328	T12-0325	Đinh Thị	Hạ	05/07/2000	Nữ	Kông Long Khong	K'Bang	Gia Lai	KTCBMA A
329	T12-0326	Hoàng Thị Thu	Hạnh	21/06/2000	Nữ	Đăk Hring	Đăk Hà	Kon Tum	KTCBMA A
330	T12-0327	Võ Thị	Hiền	10/02/2000	Nữ	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
331	T12-0328	Võ Cao Văn	Hiếu	26/11/2000	Nam	Nhơn Hạnh	An Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
332	T12-0329	Phạm Ngọc	Hiếu	20/09/2000	Nam	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	KTCBMA A
333	T12-0330	Trương Phi	Hưng	10/11/1996	Nam	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
334	T12-0331	Phạm Thị Thúy	Kiều	30/03/2000	Nữ	Phước Thuận	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA A
335	T12-0332	Huỳnh Nhật	Linh	26/10/2000	Nữ	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
336	T12-0333	Phạm Thị Mỹ	Linh	24/03/2000	Nữ	Cát Khánh	Phù Cát	Bình Định	KTCBMA A
337	T12-0334	Nguyễn Bùi Triệu	Minh	08/04/2000	Nam	Nhơn Châu	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
338	T12-0335	Lê Thị	Nguyệt	08/03/2000	Nữ	Phước Mỹ	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
339	T12-0336	Nguyễn Thị Bích	Nha	10/09/2000	Nữ	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	KTCBMA A
340	T12-0337	Trần Minh	Phượng	29/06/1998	Nam	Nhơn Châu	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
341	T12-0338	Đặng Thị Hồng	Phượng	26/02/1999	Nữ	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Thạnh	Bình Định	KTCBMA A
342	T12-0493	Đặng Hồng	Quý	10/06/1997	Nam	Hoài Thanh Tây	Hoài Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
343	T12-0339	Đặng Thị Phúc	Quyên	22/10/2000	Nữ	Phước Hiệp	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA A
344	T12-0340	Huỳnh Diễm	Quỳnh	20/10/2000	Nữ	Phước Sơn	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA A

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
345	T12-0341	Vương Trường	Sang	20/07/2000	Nữ	TT. Vân Canh	Vân Canh	Bình Định	KTCBMA A
346	T12-0342	Trần Thị Hồng	Sim	16/11/2000	Nữ	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA A
347	T12-0343	Nguyễn Thị Thu	Sương	14/07/2000	Nữ	Ia Dom	Đức Cơ	Gia Lai	KTCBMA A
348	T12-0344	Trần Đình	Tâm	03/12/1999	Nam	Ân Tường Tây	Hoài Ân	Bình Định	KTCBMA A
349	T12-0345	Võ Thị Ngọc	Thanh	01/02/2000	Nữ	Mỹ Châu	Phù Mỹ	Bình Định	KTCBMA A
350	T12-0346	Nguyễn Thị Hoài	Thư	21/09/2000	Nữ	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA A
351	T12-0347	Cái Thị Thu	Thúy	22/09/2000	Nữ	Phước Nghĩa	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA A
352	T12-0348	Đỗ Ngọc	Trâm	22/06/2000	Nữ	Tây Xuân	Tây Sơn	Bình Định	KTCBMA A
353	T12-0349	Võ Thị Hồng	Trang	15/12/2000	Nữ	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	KTCBMA A
354	T12-0490	Nguyễn Việt	Trung	10/11/2000	Nam	Tân An	Đăk Pơ	Gia Lai	KTCBMA A
355	T12-0350	Lê Thị Thúy	An	21/09/2003	Nữ	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
356	T12-0351	Đặng Thanh	Bảo	09/01/2003	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
357	T12-0352	Ngô Gia	Bảo	25/02/2002	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
358	T12-0353	Nguyễn Anh	Châu	11/11/2003	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
359	T12-0354	Đinh Quốc	Duy	11/10/2002	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
360	T12-0355	Nguyễn Thành	Đạt	06/01/2003	Nam	Xuân Hải	Sông Cầu	Phú Yên	KTCBMA B
361	T12-0356	Trần Ngọc Bảo	Hân	19/11/2003	Nữ	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
362	T12-0358	Phạm Thị Thanh	Hiếu	06/11/2003	Nữ	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
363	T12-0359	Nguyễn Hoàng	Huy	11/04/2002	Nam	Cửu An	An Khê	Gia Lai	KTCBMA B
364	T12-0360	Đoàn Thị	Kiều	23/01/2003	Nữ	Canh Hòa	Vân Canh	Bình Định	KTCBMA B
365	T12-0361	Nguyễn Hồng	Kiều	20/06/2003	Nữ	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
366	T12-0362	Lê Nguyễn Kỳ	Nam	01/12/2002	Nam	P. Quyết Thắng	TP. Kom Tum	Kon Tum	KTCBMA B
367	T12-0363	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	21/12/2003	Nữ	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
368	T12-0364	Nguyễn Trung	Nghĩa	19/06/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
369	T12-0365	Phan Tâm	Như	11/09/2003	Nam	Nhơn Hải	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
370	T12-0366	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	08/04/2003	Nữ	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
371	T12-0367	Lê	Phát	06/08/2003	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
372	T12-0494	Nguyễn Thành	Phú	15/12/2003	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
373	T12-0368	Phạm Nguyễn Anh	Phúc	30/06/2002	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA B
374	T12-0369	Trần Quý Vạn	Phúc	06/04/2003	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
375	T12-0370	Nguyễn Lê Hạo	Thiên	08/08/2003	Nam	Nhơn Lý	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
376	T12-0371	Nguyễn Minh	Thiện	10/05/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
377	T12-0372	Trương Quốc	Thịnh	23/11/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
378	T12-0373	Đặng Hữu	Thuận	29/01/2003	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
379	T12-0374	Trần	Thương	17/09/1996	Nam	Cát Tiến	Phù Cát	Bình Định	KTCBMA B
380	T12-0375	Trần Văn	Tiến	02/10/2003	Nam	P. Nhơn Thành	An Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
381	T12-0376	Nguyễn Trọng	Tín	10/01/2003	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	KTCBMA B
382	T12-0377	Nguyễn Trần	Trân	11/11/2003	Nữ	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
383	T12-0378	Nguyễn Lương	Trí	06/07/2002	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
384	T12-0379	Trần Việt	Trọng	17/02/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
385	T12-0380	Nguyễn Khắc	Tứ	08/10/2000	Nam	Xuân Bình	Sông Cầu	Phú Yên	KTCBMA B
386	T12-0381	Đào Vĩ	Tuấn	07/10/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA B
387	T12-0382	Huỳnh Thị Thơ	Ấu	18/03/2003	Nữ	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
388	T12-0383	Lê Hoàng	Bảo	04/05/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
389	T12-0384	Đỗ Thanh	Chính	19/03/2000	Nam	Ân Tường Tây	Hoài Ân	Bình Định	KTCBMA C
390	T12-0385	Nguyễn Đình	Duy	06/12/2000	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
391	T12-0386	Đỗ Thành	Đạt	06/06/2003	Nam	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
392	T12-0387	Huỳnh Hữu	Đạt	02/12/2000	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
393	T12-0388	Trần Tiến	Đạt	25/05/2003	Nam	Nhon Lý	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
394	T12-0389	Tổng Văn	Hải	26/09/2000	Nam	Thanh Thủy	Tĩnh Gia	Thanh Hóa	KTCBMA C
395	T12-0390	Võ Thành	Hậu	01/08/2003	Nam	Nhon Lý	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
396	T12-0357	Dương Nguyễn Xuân	Hiếu	04/03/2003	Nam	P. Thị Nại	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
397	T12-0391	Nguyễn Hoàng Vận	Hội	26/01/2003	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	KTCBMA C
398	T12-0392	Dương Chi	Huyết	06/05/2003	Nam	Nhon Lý	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
399	T12-0393	Nguyễn Minh	Khải	13/10/2003	Nam	P. Lý Thường Kiệt	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
400	T12-0394	Phạm Thị An	Khang	26/01/2003	Nữ	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
401	T12-0395	Đinh Phương	Ly	09/05/2003	Nữ	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
402	T12-0396	Ngô Thị	Mận	09/06/2001	Nữ	Nhon Lý	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
403	T12-0397	Trịnh Trương	Phong	02/10/2000	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
404	T12-0398	Dương Minh	Quý	20/03/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
405	T12-0399	Mai Huỳnh	Sang	03/05/2000	Nữ	Nhon An	An Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
406	T12-0400	Nguyễn Trung	Thảo	20/03/1999	Nam	P. Quang Trung	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
407	T12-0401	Hà Duy	Thịnh	12/11/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
408	T12-0402	Nguyễn Ngọc	Thọ	08/06/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
409	T12-0403	Nguyễn Quang	Tiến	12/12/1994	Nam	Ân Tín	Hoài Ân	Bình Định	KTCBMA C
410	T12-0405	Trần Thị Hương	Trà	06/11/2003	Nữ	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
411	T12-0404	Bùi Văn	Trình	06/04/2003	Nam	Nhon Lý	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
412	T12-0406	Lê Văn	Tuấn	22/10/2000	Nam	P. Lê Lợi	Quy Nhơn	Bình Định	KTCBMA C
413	T12-0407	Nguyễn Văn	Vinh	12/07/2002	Nam	Xuân Bình	Sông Cầu	Phú Yên	KTCBMA C
414	T12-0408	Trần Thị Ngọc	An	14/05/2000	Nữ	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
415	T12-0409	Trần Quốc	Bảo	10/06/2003	Nam	Cát Tiến	Phù Cát	Bình Định	NVNH
416	T12-0410	Trần Nguyễn Thúc	Duyên	30/10/2003	Nữ	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
417	T12-0411	Võ Thành	Đạt	11/05/2000	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
418	T12-0412	Võ Mai	Hiền	25/08/2003	Nữ	P. Đồng Đa	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
419	T12-0413	Dương Bảo	Hoan	02/02/2001	Nam	Cư An	Đăk Pơ	Gia Lai	NVNH
420	T12-0414	Lê Trần Công	Huy	20/01/2000	Nam	Phước Thắng	Tuy Phước	Bình Định	NVNH
421	T12-0415	Trần Lê Nhật	Loan	27/11/2003	Nữ	TT. Tuy Phước	Tuy Phước	Bình Định	NVNH
422	T12-0416	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	04/07/2003	Nữ	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
423	T12-0417	Nguyễn Việt	Nam	08/11/2003	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	NVNH
424	T12-0418	Võ Đào Ái	Ngân	17/05/2003	Nữ	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
425	T12-0419	Trần Nguyễn Uyên	Nhi	28/04/2003	Nữ	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	NVNH
426	T12-0420	Huỳnh Lâm	Như	03/09/2000	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
427	T12-0421	Phạm Trung	Quân	07/01/2001	Nam	P. An Bình	An Khê	Gia Lai	NVNH
428	T12-0422	Lê Thanh	Sơn	06/11/2001	Nam	P. Lý Thường Kiệt	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
429	T12-0423	Nguyễn Yến	Thi	24/10/2003	Nữ	P. Ngô Mây	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
430	T12-0424	Nguyễn Thanh	Trúc	09/07/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
431	T12-0425	Trần Thanh	Tuấn	27/10/2002	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH
432	T12-0426	Ngô Đạt	Văn	12/11/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	NVNH

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
433	T12-0427	Nguyễn Quốc	Cường	02/10/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL A
434	T12-0495	Huỳnh Văn	Danh	30/09/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
435	T12-0428	Nguyễn Hoàng	Dũng	14/08/2003	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL A
436	T12-0429	Dương Hoàng	Dương	05/10/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
437	T12-0430	Huỳnh Công	Đạt	29/08/2003	Nam	P. Bùi Thị Xuân	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
438	T12-0431	Dương Công	Hải	30/10/2003	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL A
439	T12-0432	Nguyễn Duy	Hiếu	18/06/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
440	T12-0433	Dương Nguyên Bảo	Huy	22/11/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
441	T12-0434	Nguyễn Đức	Kiệt	23/10/2001	Nam	Ân Hảo Đông	Hoài Ân	Bình Định	VH, SCTBL A
442	T12-0435	Thanh Minh	Kiệt	11/02/2003	Nam	Canh Hòa	Vân Canh	Bình Định	VH, SCTBL A
443	T12-0436	Vũ Lê Anh	Kiệt	30/12/2003	Nam	P. Lê Hồng Phong	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
444	T12-0437	Đoàn Xuân	Linh	17/05/2001	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL A
445	T12-0438	Nguyễn Hoài	Linh	27/04/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
446	T12-0439	Huỳnh Ngọc	Mẫn	14/10/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
447	T12-0440	Lê Trọng	Nghĩa	24/10/2003	Nam	P. Đống Đa	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
448	T12-0441	Phạm Minh	Ngọc	12/11/2001	Nam	Mỹ Trinh	Phù Mỹ	Bình Định	VH, SCTBL A
449	T12-0442	Trần Cao	Nguyên	25/01/2003	Nam	P. Nhơn Bình	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
450	T12-0443	Trần Việt	Nguyên	16/10/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
451	T12-0444	Nguyễn Thành	Nhân	31/08/2001	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
452	T12-0445	Trần Minh	Nhuận	15/06/2003	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL A
453	T12-0446	Ngô Gia	Phát	28/10/2003	Nam	P. Nguyễn Văn Cừ	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
454	T12-0447	Nguyễn Đình	Phong	21/10/2003	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL A
455	T12-0448	Phạm Văn	Phúc	13/06/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
456	T12-0449	Nguyễn Hải	Quốc	29/03/2002	Nam	Hoài Hương	Hoài Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
457	T12-0450	Nguyễn Việt	Quốc	18/11/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
458	T12-0451	Nguyễn Tấn	Tài	20/08/2003	Nam	P. Trần Quang Diệu	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
459	T12-0452	Đặng Ngọc	Tấn	25/07/2001	Nam	TT. Ea H'leo	Ea H'leo	Đắk Lắk	VH, SCTBL A
460	T12-0453	Trần Quang	Thạch	03/06/2003	Nam	Ân Hảo Đông	Hoài Ân	Bình Định	VH, SCTBL A
461	T12-0454	Nguyễn Chí	Thanh	03/05/2000	Nam	Cát Tài	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL A
462	T12-0455	Lê Bảo	Toàn	21/06/2003	Nam	P. Đống Đa	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
463	T12-0456	Cao Thành	Trí	03/02/2003	Nam	P. Đống Đa	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
464	T12-0457	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	22/12/2003	Nam	Phước Mỹ	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL A
465	T12-0458	Nguyễn Minh	Tùng	15/12/2000	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL A
466	T12-0459	Nguyễn Văn	Tuyên	01/04/2003	Nam	Đông Lợi	Triệu Sơn	Thanh Hóa	VH, SCTBL A
467	T12-0460	Cao Nguyễn	Việt	01/10/2003	Nam	Cát Nhơn	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL A
468	T12-0461	Tô Hoàng	Vũ	10/03/2000	Nam	Ân Hảo Đông	Hoài Ân	Bình Định	VH, SCTBL A
469	T12-0462	Nguyễn Ngọc	Hòa	06/04/2000	Nam	Xuân Lộc	Sông Cầu	Phú Yên	VH, SCTBL B
470	T12-0463	Nguyễn Lê Phi	Hùng	24/01/2001	Nam	Phước An	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL B
471	T12-0464	Trương Minh	Khanh	17/08/2000	Nam	Mỹ Cát	Phù Mỹ	Bình Định	VH, SCTBL B
472	T12-0465	Nguyễn Minh	Khánh	23/03/2003	Nam	P. Ghềnh Ráng	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
473	T12-0466	Trần Hữu	Kiên	05/05/2001	Nam	Mỹ An	Phù Mỹ	Bình Định	VH, SCTBL B
474	T12-0467	Trương Quốc	Lợi	20/08/2003	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL B
475	T12-0468	Hồ Công	Minh	28/12/2001	Nam	Phước Hưng	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL B
476	T12-0469	Huỳnh Nhật	Nam	09/01/2003	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ			NGHỀ
						Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
477	T12-0470	Mai Phương	Nam	04/10/2002	Nam	Hoài Hào	Hoài Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
478	T12-0471	Trịnh Minh	Nhật	12/11/2000	Nam	P. Đập Đá	An Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
479	T12-0472	Lê Hồng	Phong	02/01/2003	Nam	Ấn Hào Đông	Hoài Ân	Bình Định	VH, SCTBL B
480	T12-0473	Huỳnh Ngọc	Son	22/10/1995	Nam	Cát Hanh	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL B
481	T12-0474	Nguyễn Thanh	Tâm	27/09/2002	Nam	Tây Giang	Tây Sơn	Bình Định	VH, SCTBL B
482	T12-0475	Lê Công	Thắng	01/12/2003	Nam	P. Trần Phú	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
483	T12-0476	Ngô Đại	Thắng	30/01/1996	Nam	Cát Lâm	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL B
484	T12-0477	Nguyễn Thanh	Thiên	20/11/2000	Nam	An Hòa	An Lão	Bình Định	VH, SCTBL B
485	T12-0478	Nguyễn Văn	Thìn	25/06/2000	Nam	Phước Hòa	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL B
486	T12-0479	Trần Sĩ	Thịnh	01/12/2002	Nam	P. Nhơn Phú	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
487	T12-0480	Ngô Trí	Thúc	04/11/2000	Nam	Nhơn Hội	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
488	T12-0482	Huỳnh Văn	Tiến	18/02/1998	Nam	Bình Tân	Tây Sơn	Bình Định	VH, SCTBL B
489	T12-0481	Bùi Quốc	Tin	23/10/2003	Nam	TT. Diêu Trì	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL B
490	T12-0483	Tô Thanh	Trúc	15/08/1999	Nam	Cát Minh	Phù Cát	Bình Định	VH, SCTBL B
491	T12-0484	Phan Lê Trọng	Tú	06/09/2001	Nam	Tây Vinh	Tây Sơn	Bình Định	VH, SCTBL B
492	T12-0485	Phan Văn	Tuyền	04/09/2003	Nam	P. Trần Hưng Đạo	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
493	T12-0486	Hồ Hoàng Quốc	Việt	28/07/1996	Nam	TT. Phú Phong	Tây Sơn	Bình Định	VH, SCTBL B
494	T12-0487	Ngô Bá	Vũ	10/02/2000	Nam	Mỹ Trinh	Phù Mỹ	Bình Định	VH, SCTBL B
495	T12-0488	Võ Lê Quốc	Vương	18/11/2003	Nam	P. Hải Cảng	Quy Nhơn	Bình Định	VH, SCTBL B
496	T12-0489	Lê Văn	Yên	27/06/2002	Nam	Phước Thành	Tuy Phước	Bình Định	VH, SCTBL B

Danh sách này có 496 học sinh.

Trong đó:

Nam: 449

Nữ: 47

Trong tỉnh: 465 (Hộ khẩu Quy Nhơn: 247)

Ngoài tỉnh: 31

Nghề Cắt gọt kim loại:

21

Nghề Công nghệ Ôtô:

107

Nghề Công nghệ thông tin:

40

Nghề Chế tạo thiết bị cơ khí:

38

Nghề Điện công nghiệp:

75

Nghề Điện tử công nghiệp:

17

Nghề Hàn:

27

Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn:

88

Nghề Nghiệp vụ nhà hàng:

19

Nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh:

64

